

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN NẬM NGÀ

**DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM NGÀ,
XÃ NẬM HÀNG VÀ XÃ MUỜNG MÔ,
TỈNH LAI CHÂU**

BÁO CÁO

**QUY MÔ CÔNG TRÌNH, PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC SỬ DỤNG
NƯỚC VÀ CÁC THÔNG TIN, SỐ LIỆU LIÊN QUAN CỦA DỰ ÁN
THỦY ĐIỆN NẬM NGÀ**

Lai Châu, tháng 09 năm 2025

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN NẬM NGÀ

**DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM NGÀ,
XÃ NẬM HÀNG VÀ XÃ MƯỜNG MÔ,
TỈNH LAI CHÂU**

BÁO CÁO
QUY MÔ CÔNG TRÌNH, PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC VÀ
CÁC THÔNG TIN, SỐ LIỆU LIÊN QUAN CỦA DỰ ÁN THỦY ĐIỆN
NẬM NGÀ

Lai Châu, ngày 04 tháng 09 năm 2025
CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN
NẬM NGÀ



Lai Châu, năm 2025

QUY MÔ CÔNG TRÌNH, PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC VÀ CÁC THÔNG TIN, SỐ LIỆU LIÊN QUAN CỦA DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM NGÀ

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN.

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên Công ty: Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà
- Đại diện: Bà **Hoàng Thị Gấm** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 24, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.
- Điện thoại: 0856792888
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200123440 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu 9/4/2024.

II. Thông tin cơ bản về công trình có khai thác, sử dụng nước.

2.1. Thông tin cơ bản về công trình khai thác, sử dụng nước của công trình thủy điện Nậm Ngà (công suất 24 MW)

2.1.1. Vị trí công trình

Công trình Thủy điện Nậm Ngà nằm trên địa bàn xã Nậm Hàng và xã Mường Mô, tỉnh Lai Châu (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 là xã Nậm Hàng, Nậm Manh, Nậm Chà và thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu), trong đó:

- + Các hạng mục công trình chính khai thác nước gồm: cụm đầu mối, tuyến năng lượng, nhà máy nằm trên địa bàn xã Mường Mô, tỉnh Lai Châu.
- + Tuyến đường dây 110kv nằm trên địa bàn xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu.
- Tọa độ các hạng mục chính của công trình:

TT	Hạng mục	Tọa Độ	
		X	Y
1	Tuyến đập chính	2455266	475497
2	Tuyến đập phụ Chiron	2454714	476255
3	Nhà máy	2452514	479833

2.1.2. Quy mô

- + Cấp công trình: Cấp II
- + Công suất lắp máy: 24 MW
- + Điện lượng trung bình năm: $76,15 \times 10^6$ kWh

2.1.3. Nguồn nước khai thác, sử dụng:

Công trình thủy điện Nậm Ngà có tuyến đập chính khai thác nguồn nước mặt trên suối Nậm Ngà là phụ lưu cấp I của suối Nậm Nhè, tuyến đập phụ khai thác nguồn nước suối nhánh là phụ lưu cấp I của suối Nậm Ngà; thuộc xã Mường Mô, tỉnh Lai Châu; thuộc danh mục nguồn nước liên tỉnh (theo Quyết định số 1757/QĐ-BTMT ngày 11/8/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục nguồn nước liên tỉnh và Danh mục nguồn nước liên quốc gia).

2.1.4. Mục đích khai thác, sử dụng nước:

Cấp nước cho phát điện với công suất lắp máy 24 MW và điện năng khai thác bình quân hàng năm là $76,15 \times 10^6$ kWh cho hệ thống điện lưới quốc gia phục vụ phát triển dân sinh, kinh tế, xã hội tỉnh Lai Châu.

2.1.5. Tiến độ thực hiện dự án

TT	Thời gian	Hạng mục công việc
1	Quý II/2024 đến hết quý II/2025	Khảo sát thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, hoàn thiện hồ sơ pháp lý dự án, cắm chỉ giới đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng...
2	Quý III/2025 đến tháng 9 năm 2028	Khởi công thi công các hạng mục công trình chính và thi công hoàn thiện phần xây dựng; lắp đặt thiết bị nhà máy.
3	Tháng 9 năm 2028	Phát điện, hoàn thành dự án đưa nhà máy vào khai thác

Theo Quyết định số 968/UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Thủy điện Nậm Ngà, dự án dự kiến khởi công thi công các hạng mục công trình chính và thi công hoàn thiện phần xây dựng; lắp đặt thiết bị nhà máy trong khoảng thời gian từ Quý III/2025 đến tháng 9 năm 2028. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại dự án chưa triển khai xây dựng và dự kiến sẽ triển khai xây dựng vào Quý IV/2025.

2.1.6. Loại hình công trình:

- Loại công trình: Công trình thủy điện Nậm Ngà thuộc loại công trình thủy điện đường dẫn bao gồm các hạng mục chính như sau:

+ Cụm công trình đầu mối: Hồ, đập dâng, đập tràn, Chiron gom nước, cống xả cát, cống xả dòng chảy tối thiểu.

+ Tuyến năng lượng: Cửa lấy nước, hầm dẫn nước, đường hầm áp lực, tháp điều áp, nhà máy thủy điện, kênh xả.

2.1.7. Phương thức khai thác, sử dụng nước

Công trình thủy điện Nậm Ngà thuộc công trình thủy điện đường dẫn, công trình gồm 2 tuyến đập: Tuyến đập chính dạng đập dâng kết hợp đập tràn tự do được xây dựng chặn dòng suối Nậm Ngà tạo thành hồ chứa điều tiết ngày đêm với dung tích $W_{tb} = 3,11 \times 10^6 \text{ m}^3$, $W_{hi} = 0,48 \times 10^6 \text{ m}^3$; tuyến đập phụ lấy nước kiểu chiron nằm trên suối nhánh phụ lưu cấp I của suối Nậm Ngà có nhiệm vụ gom nước bổ sung nước vào đường hầm dẫn nước từ đập chính về nhà máy. Nước từ đập chính trên suối Nậm Ngà theo tuyến năng lượng về nhà máy nằm bên bờ trái suối Nậm Nhè để phát điện với công suất lắp máy 24MW và lưu lượng thiết kế qua nhà máy là $22,53 \text{ m}^3/\text{s}$. Nước sau phát điện của nhà máy được xả trả lại suối Nậm Nhè cách đập chính khoảng 12 km theo đường suối về hạ du. Với phương thức khai thác, sử dụng nước của công trình thủy điện Nậm Ngà tạo đoạn suối bị gián đoạn dòng chảy trên các đoạn suối sau: (1) đoạn suối Nậm Ngà sau đập chính đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè có chiều dài

khoảng 10,75 km; (2) đoạn suối nhánh cấp I của suối Nậm Ngà sau đập phụ đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà có chiều dài 0,36 km.

Bảng 1. Các thông số chính của công trình - giai đoạn TKCS

TT	Hạng mục công trình	Ký hiệu	Đơn vị	Đập chính	Đập phụ
I	Đặc trưng lưu vực				
1	Diện tích lưu vực đến tuyến chọn	F_{lv}	km ²	177,8	4,2
2	Dòng chảy bình quân nhiều năm	Q_0	m ³ /s	6,86	
3	Lưu lượng lũ thiết kế	$Q_{1,0\%}$	m ³ /s	1.498	
4	Lưu lượng lũ kiểm tra	$Q_{0,2\%}$	m ³ /s	1.986	
II	Cấp công trình			II	
III	Hồ chứa				
1	Mực nước dâng bình thường	MNDBT	m	465	467
2	Mực nước chết	MNC	m	463	467
3	Mực nước lũ thiết kế	MNLTK	m	468,96	-
4	Mực nước lũ kiểm tra	MNLKT	m	469,80	-
5	Dung tích toàn bộ	W_{tb}	10 ⁶ m ³	3,11	-
6	Dung tích hữu ích	W_{hi}	10 ⁶ m ³	0,48	-
7	Dung tích chết	W_c	10 ⁶ m ³	2,63	-
IV	Đập dâng, đập tràn xả lũ				
IV.1	Đập dâng				
1	Cao trình đỉnh đập	Z	m	470,50	-
2	Chiều cao đập dâng bờ phải	H	m	32,71	-
3	Chiều cao đập dâng bờ trái	H	m	16,5	-
4	Chiều rộng đỉnh đập	B	m	3,5	-
IV.2	Đập tràn				
1	Hình thức đập tràn			Tự do	Tự do
2	Cao trình ngưỡng tràn	Z	m	465	467
3	Chiều rộng diện tràn	B	m	80	12
4	Chiều cao đập tràn lớn nhất	H	m	44	2,5
IV.3	Cống xả cát				
1	Cao trình ngưỡng	Z	m	441,50	465
2	Kích thước	b _{xh}	m	3,0x3,0	0,8x0,8
IV.4	Cống xả dòng chảy tối thiểu				
1	Kích thước ống	D	m	0,4	0,15
2	Cao trình tim ống vào	Z	m	460	466,5
3	Số lượng		ống	1	1
V	Tuyến năng lượng				
V.1	Cửa nhận nước				
1	Kích thước cửa nhận nước	BxH	m	4,0x4,0	0,6x0,6
2	Cao trình ngưỡng cửa	Z	m	445,5	465,7
3	Lưu lượng thiết kế cửa	Q _{tk}	m ³ /s	22,53	

TT	Hạng mục công trình	Ký hiệu	Đơn vị	Đập chính	Đập phụ
4	Số cửa nhận nước			01	01
V.2	Hầm dẫn nước từ hồ chứa đến tháp điều áp				
1	Chiều dài hầm dẫn	L	m	5.109,19	
2	Kích thước thông thủy	BxHxR	m	4,0x4,0x2,0	
3	Độ dốc hầm	i	%	1,16-2,73	
4	Cao độ tim cửa vào	Z	m	447,5	
5	Cao độ tim cửa ra	Z	m	332,50	
V.3	Tháp điều áp				
1	Chiều cao đỉnh tháp	H	m	481,5	
2	Đường kính trong	D	m	8,0	
3	Đường kính viên trụ	D	m	4,0	
4	Cao độ đỉnh tháp	Z	m	481,50	
V.4	Đường ống áp lực				
1	Chiều dài ống chính	D	m	300	
2	Đường kính ống chính	L	m	3,0	
3	Đường kính ống nhánh	L	m	1,6	
4	Chiều dài ống nhánh	D	m	15,0	
V.5	Nhà máy thủy điện				
1	Lưu lượng thiết kế qua nhà máy	Q_{tk}	m^3/s	22,53	
2	Công suất đảm bảo ($P = 85\%$)	$N_{đb}$	MW	0,81	
3	Cột nước nhà máy				
	- Cột nước lớn nhất	H_{max}	m	138,25	
	- Cột nước tính toán	H_{tt}	m	121,60	
	- Cột nước nhỏ nhất	H_{min}	m	121,60	
4	Mực nước hạ lưu max	$MNHL_{max}$	m	339,25	
5	Mực nước hạ lưu min	$MNHL_{min}$	m	325,20	
6	Kiểu nhà máy			Francis trục đứng	
7	Số tổ máy	z	tổ	2	
8	Công suất lắp máy	N_{lm}	MW	24	
9	Điện năng bình quân	E_o	$10^6 kWh$	76,15	
10	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	T	giờ	3.173	
11	Cao trình sàn lắp ráp	Z	m	340	

(Theo Hồ sơ TKCS công trình thủy điện Nậm Ngà, xã Nậm Hàng và xã Mường Mô, tỉnh Lai Châu).

2.1.8. Chế độ và lượng nước khai thác, sử dụng

Thủy điện Nậm Ngà vận hành theo chế độ điều tiết ngày đêm. Mực nước trong hồ điều tiết được duy trì trong phạm vi từ cao trình mực nước chết 463 m đến cao trình mực nước dâng bình thường 465m. Lượng nước khai thác, sử dụng của công trình Thủy điện Nậm Ngà sử dụng cho mục đích là phát điện với các thông số chính của nhà máy: công suất lắp máy (N_{lm})= 24 MW, lưu lượng thiết kế ($Q_{pđmax}$) = 22,53 m^3/s .

2.1.9. Quy mô các hạng mục chính của công trình

2.1.9.1. Cụm công trình đầu mối đập chính:

(1). Đập dâng bờ trái:

Kết cấu bê tông trọng lực (tường thượng lưu là lớp bê tông chống thấm mác M200, chiều dày 1,0 m từ đáy đến cao độ 465 m; từ cao độ 465 m đến đập dâng dày 0,5 m). Bản đáy (toàn bộ chân đập) là lớp bê tông chống thấm M200 có chiều dày 1,0 m. Phần lõi đập là bê tông M150. Cao trình đỉnh đập 470,5 m, đỉnh đập có chiều rộng 7 m, chiều dài đập dâng bờ trái 25 m, chiều cao đập lớn nhất 16,50 m, mái hạ lưu có hệ số mái 1:0,7.

(2). Đập dâng bờ phải

Kết cấu bê tông trọng lực (tường thượng lưu là lớp bê tông chống thấm mác M200, chiều dày 1,0 m). Bản đáy (toàn bộ chân đập) là lớp bê tông chống thấm M200 có chiều dày 1,0 m. Phần lõi đập là bê tông M150. Cao trình đỉnh đập 470,50 m, đỉnh đập có chiều rộng 7 m, chiều dài theo tim là 29 m, chiều cao đập lớn nhất 32,71 m, mái thượng lưu thẳng đứng, mái hạ lưu có hệ số mái 1:0,7.

(3). Đập tràn

Đập tràn tự do mặt cắt ofixerop bố trí lòng sông. Bề rộng diện tràn 80m, cao trình ngưỡng tràn 465,0 m, kết cấu bề mặt tràn nước được thiết kế với bê tông trọng lực, cao trình đáy đập chỗ sâu nhất 421,0m; chiều dày trụ biên 1,0m; chiều cao mặt cắt sâu nhất tính đến ngưỡng tràn 44,0 m. Cao trình đỉnh trụ biên 470,5m.

(4). Cống xả dòng chảy tối thiểu

Để xả dòng chảy tối thiểu về hạ lưu bố trí cống xả dòng chảy tối thiểu nằm trong thân đập dâng vai phải. Cao độ tim ống vào là 460,0 m, cao độ tim ống ra là 450,0m. Đường kính ống xả $D = 0,4$ m, kết cấu ống thép.

(5). Cống xả cát

Cống xả cát được bố trí tại thân đập dâng vai phải có kích thước $B \times H = (3,0 \times 3,0)$ m. Cao độ ngưỡng cống 441,50 m. Cống được bố trí 2 cửa van gồm cửa van sửa chữa và cửa van vận hành được nâng hạ bằng máy vít điện sức nâng 100 tấn.

2.1.9.2. Cụm đầu mối đập phụ Nậm Ngà

(1). Chiron gom nước

Đập phụ được xây dựng trên nhánh suối hạ lưu bờ phải đập chính. Đập có kết cấu BTCT, tràn tự do toàn tuyến. Các thông số chính của đập phụ:

- + MNDBT: 467,00m
- + Cao trình ngưỡng tràn: 467m
- + Chiều rộng tràn thoát lũ là: 12,0m
- + Chiều cao đập lớn nhất: 2,5m

Đập phụ 1 có bố trí ống xả dòng chảy tối thiểu để đảm bảo luôn luôn có dòng chảy về hạ lưu. Ống xả dòng chảy tối thiểu là ống thép có đường kính $D=0,15$ m, tim ống đặt tại cao trình 466,50m

- + Tại đập bố trí Cửa lấy nước và đường ống D400mm dẫn thẳng vào hầm chính.

(2). Công xả dòng chảy tối thiểu

Để xả dòng chảy tối thiểu về hạ lưu bố trí công xả dòng chảy tối thiểu nằm trong thân đập. Cao độ tim ống vào là 466,5 m. Đường kính ống xả $D = 0,15$ m, kết cấu ống thép.

2.1.9.3. Tuyến năng lượng:

Theo chiều dòng chảy tuyến năng lượng bao gồm các hạng mục: Cửa lấy nước, hầm dẫn nước, tháp điều áp, ống áp lực, nhà máy thủy điện, trạm biến áp và đường dây.

(1). Cửa nhận nước

Cửa lấy nước được đặt trong thân đập dâng vai phải, cửa lấy nước được bố trí lấy nước chính diện mặt đập và dẫn vào hầm theo trục tim đập. Cửa lấy nước được bố trí trên công xả cát nhằm phát huy hết khả năng của công xả cát.

+ Kích thước thông thủy cửa nhận nước:	$B \times H = 4,0 \times 4,0$ m
+ Số khoang cửa nhận nước:	$n = 1$ (khoang)
+ Cao trình ngưỡng cửa vào:	$Z_{ng} = +445,50$ m
+ Cao trình đỉnh cửa nhận nước	$Z_{đ} = +470,50$ m
+ Lưu lượng thiết kế	$Q_{tk} = 22,53 \text{ m}^3/\text{s}$

(2). Hầm dẫn nước (nối tiếp sau cửa lấy nước đến tháp điều áp)

Đường hầm dẫn nước bên bờ phải suối Nậm Ngà, nối tiếp từ cửa nhận nước có dạng chữ u ngược kích thước đào $B \times H \times R = 4,0 \times 4,0 \times 2,0$ m. Chiều dài đường hầm (bao gồm đoạn măng xông) là 5.109,19 m với đường kính $D = 4,0$ m; Độ dốc dọc $I = (1,16 - 2,73)\%$. Cao độ tim đầu hầm 447,50 m và cuối hầm 332,50 m

(3) Tháp điều áp

Chiều cao đỉnh tháp 481,5 m; Đường kính trong 8,0 m và đường kính viên trụ 4,0 m. Kết cấu tháp bằng bê tông cốt thép M250 có lót thép.

(4). Đường ống áp lực (nối tiếp sau lý trình km 4+809,19 đến km5+109,19)

Đoạn hầm dẫn từ bẫy đá về cửa ra hầm lý trình km4+809,19, đến km5+109,19 chịu áp suất lớn. Đoạn hầm bố trí lót thép đường hầm dài 300 m với đường kính 3,0 m; Nối tiếp từ km4+809,19 là đường ống áp lực sau cửa hầm dẫn về nhà máy thủy điện. Hai đường ống nhánh vào tổ máy đường kính $D1 = 1,6$ m đi vào 02 van đĩa trước tuabin.

(5). Nhà máy thủy điện

Nhà máy kiểu hở nằm bên bờ trái suối Nậm Nhè, gồm 02 tổ máy với công suất lắp máy 24 MW, tuabin Francis trục đứng, kích thước nhà máy $L \times B \times H = 29,50 \times 23,80 \times 33,0$ (m). Nhà máy được đặt trên nền đá IB, bố trí đảm bảo các điều kiện ổn định đầy nổi, ổn định lật, trượt cho các kết cấu gian máy.

+ Cao trình đặt tuabin 325,50 m, cao trình sàn lắp ráp sửa chữa 340 m, mực nước hạ lưu min 325,20 m, mực nước hạ lưu max 339,25 m.

(6). Kênh xả: Kênh xả được nối tiếp sau bể xả là kênh hộp với cao độ đầu kênh là 324,70 m. Mặt cắt kênh hình thang có bề rộng đáy 15,7m, mái hai bên 1:1. Kênh xả có chiều dài theo tim $L_k = 26,20$ m độ dốc 0,1%.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH ĐÉN

NGUỒN NƯỚC, MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC KHÁC CÓ ẢNH HƯỞNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH

3.1. Tác động đến nguồn nước

Việc tích nước hồ chứa và chế độ vận hành của nhà máy thủy điện Nậm Ngà sẽ làm thay đổi chế độ dòng chảy của suối Nậm Ngà và suối nhánh cấp I của suối Nậm Ngà từ sau các tuyến đập về phía hạ lưu. Trên suối sẽ xuất hiện 2 chế độ dòng chảy khác biệt ở thượng lưu và hạ lưu mà ranh giới của chúng là đập. Những tác động điển hình của việc khai thác, sử dụng nước của công trình đến chế độ dòng chảy các sông suối được đánh giá như sau:

(1). Khu vực thượng lưu các tuyến đập

Sự hình thành hồ chứa thủy điện Nậm Ngà sẽ làm thay đổi chế độ dòng chảy suối Nậm Ngà trước và sau đập. Đoạn suối ở thượng lưu các tuyến đập chuyển thành đập tràn tự do với tổng diện tích lưu vực đến tuyến đập chính/đập phụ là 177,8 km²/4,2 km², mực nước tại đập chính với MNDBT = 465 m và MNC = 463 m, mực nước tại đập phụ với MNDBT = MNC = 467 m. Do ảnh hưởng của đập ngăn nước nên chế độ thủy văn biến đổi từ chế độ thủy văn suối trước khi có hồ thành chế độ thủy văn hồ chứa. Biến đổi môi trường nói trên làm tổn thất một lượng nước mặt trong khu vực lòng hồ do bốc hơi mặt nước và thấm xuống tầng sâu qua tầng đất ở đáy hồ. Tốc độ dòng chảy đến hồ và tuyến đập giảm đột ngột dẫn đến khả năng mang bùn cát giảm đáng kể, phần lớn lượng phù sa bị giữ lại và lắng đọng trong hồ và tuyến đập.

Biến đổi mực nước trong hồ: Khi hình thành tuyến đập và hồ chứa, mực nước dao động phụ thuộc vào chế độ vận hành phát điện cũng như chế độ xả lũ qua đập tràn vào mùa lũ của công trình thủy điện. Khi không có lũ, trong ngày mực nước tại đập chính dao động khoảng 2 m từ mực nước chết đến mực nước dâng bình thường (463-465)m, tại tuyến đập phụ do MNDBT bằng MNC, hồ sẽ không thể tích nước lên cao để tạo ra cột áp lớn. Mực nước chỉ có thể duy trì ở mức tối thiểu cho phép, lượng nước chảy vào hồ sẽ gần như bằng lượng nước chảy ra. Mực nước hồ chỉ có thể dâng cao hơn MNDBT trong trường hợp lũ, nhưng sẽ ngay lập tức xả tràn.

Khi xây dựng đập thủy điện thì mực nước thượng lưu đập sẽ cao hơn mực nước đoạn suối sau đập. Do lòng suối mở rộng hơn bình thường nên tốc độ dòng chảy ở đoạn suối tạo hồ chứa sẽ chậm hơn.

(2). Tác động đến chế độ dòng chảy hạ lưu đập chính tới nhà máy thủy điện Nậm Ngà

Khi xây dựng đập ngăn dòng chảy sẽ ảnh hưởng đến lưu lượng dòng chảy phía sau đập. Đập chính thủy điện Nậm Ngà làm gián đoạn khoảng 10,75 km trên suối Nậm Ngà về tới điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè, nên đoạn suối này chịu tác động do việc lấy nước vào hệ thống hầm dẫn đến nhà máy, lượng nước chủ yếu từ phần thượng lưu hồ chứa đã được chuyển theo hầm dẫn nước về đến nhà máy. Do đó, lượng nước trên đoạn suối này bị suy giảm, đặc biệt vào mùa kiệt.

(3). Tác động đến chế độ dòng chảy hạ lưu đập phụ đến điểm nhập lưu với suối Nậm Ngà

Khi xây dựng đập ngăn dòng chảy sẽ ảnh hưởng đến lưu lượng dòng chảy phía sau đập. Đập phụ thủy điện Nậm Ngà sẽ bổ sung nước vào hầm dẫn nước về nhà máy thủy điện Nậm Ngà. Đập phụ thủy điện Nậm Ngà làm gián đoạn khoảng 0,36 km trên suối nhánh cấp I của suối Nậm Ngà từ đập phụ đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà, nên đoạn suối này chịu tác động do việc lấy nước vào hệ thống hầm dẫn về nhà máy, lượng nước chủ yếu từ phần thượng lưu hồ chứa đã được chuyển theo hầm dẫn nước về nhà máy. Do đó, lượng nước trên đoạn suối này bị suy giảm, đặc biệt vào mùa kiệt.

(4). Tác động đến chế độ dòng chảy sau cửa xả nhà máy

Thủy điện Nậm Ngà được thiết kế là công trình thủy điện kiểu đường dẫn, vì vậy sẽ làm gián đoạn dòng chảy trên suối Nậm Ngà từ đập chính đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè và suối nhánh cấp I của suối Nậm Ngà từ đập phụ đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà. Chế độ dòng chảy có sự thay đổi theo mùa nên sự điều tiết của nhà máy thủy điện cũng thay đổi kéo theo có sự thay đổi dòng chảy ở vùng hạ lưu. Sự thay đổi đó được thể hiện:

- Vào mùa lũ, khi lượng nước về hồ lớn hơn lưu lượng phát điện lớn nhất qua nhà máy thì nước sẽ tràn qua đập tràn xuống hạ du, kết hợp với mực nước hồ Nậm Ngà trong mùa lũ đang ở mức cao, khi đó chế độ thủy lực dòng chảy ở hạ lưu nhà máy diễn biến phức tạp.

- Về mùa kiệt: dòng chảy sẽ tăng vào những giờ công trình xả nước phát điện và dòng chảy sẽ giảm vào những giờ công trình ngừng chạy máy để tích nước.

Vào những giờ nhà máy xả nước phát điện, tại cửa xả nước của nhà máy chế độ thủy lực dòng chảy phức tạp hơn, lưu tốc dòng chảy sẽ tăng lên so với lưu lượng dòng chảy tự nhiên, xuất hiện dòng chảy mặt và dòng chảy đáy gây xói lở, bồi lắng.

3.2. Tác động đến các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác

3.2.1. Khu vực thượng lưu tuyến đập chính thủy điện Nậm Ngà

**** Hiện trạng khai thác, sử dụng nước:***

*****/ Khai thác nước cho thủy điện:*** Hiện tại và trong quy hoạch không có công trình thủy điện nào khai thác, sử dụng nguồn nước trên suối Nậm Ngà phía thượng lưu tuyến đập chính thủy điện Nậm Ngà.

*****/ Khai thác nước cho nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt,:*** Hiện tại và trong quy hoạch không có công trình nào khai thác, sử dụng nguồn nước trên suối Nậm Ngà phía thượng lưu tuyến đập chính thủy điện Nậm Ngà phục vụ cho sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp.

**** Đánh giá tác động:***

Do phía thượng lưu tuyến đập chính thủy điện Nậm Ngà không có công trình nào khai thác và sử dụng nước trên dòng chính suối Nậm Ngà nên quá trình xây dựng và vận hành thủy điện Nậm Ngà không làm ảnh hưởng tới các công trình khu vực thượng lưu tuyến đập chính thủy điện Nậm Ngà.

3.2.2. Khu vực vực suối Nậm Ngà hạ du tuyến đập chính đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè (10,75 km)

*** Hiện trạng khai thác, sử dụng nước**

****/ Khai thác nước cho thủy điện:** Đoạn suối Nậm Ngà từ đập chính đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè hiện tại và trong quy hoạch không có công trình thủy điện nào khai thác nguồn nước trên suối Nậm Ngà.

****/ Khai thác nước cho nông nghiệp, sinh hoạt:** Hiện tại và trong quy hoạch không có công trình nào khai thác nguồn nước suối Nậm Ngà phục vụ cho nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt trên suối Nậm Ngà khu vực từ đập chính đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè.

*** Đánh giá tác động:**

Đối với các công trình phục vụ mục đích sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp khu vực suối Nậm Ngà từ đập chính đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè không có công trình nào khai thác, sử dụng nước trực tiếp trên suối Nậm Ngà nên việc vận hành công trình thủy điện Nậm Ngà không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất của người dân. Đoạn suối Nậm Ngà từ đập chính đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè sẽ bị suy giảm dòng chảy đặc biệt là vào mùa kiệt, Công ty đã có biện pháp xả dòng chảy tối thiểu sau tuyến đập chính với lưu lượng xả không nhỏ hơn $0,68 \text{ m}^3/\text{s}$ để đảm bảo duy trì hệ sinh thái thủy sinh và đảm bảo duy trì dòng chảy trên suối.

3.2.3. Khu vực vực suối Nậm Ngà hạ du nhà máy thủy điện Nậm Ngà

*** Hiện trạng khai thác, sử dụng nước**

****/ Khai thác nước cho thủy điện:**

- Phía hạ lưu nhà máy thủy điện Nậm Ngà hiện tại và trong quy hoạch có công trình Thủy điện Nậm Chà 1 khai thác nguồn nước trên suối Nậm Nhè. Hạ lưu nhà máy thủy điện Nậm Ngà là tuyến đập chuyển nước của công trình thủy điện Nậm Chà 1 ($N_{lm} = 24 \text{ MW}$, $MNDBT = 325 \text{ m}$). Công trình thủy điện Nậm Chà 1 hiện chưa xây dựng.

****/ Khai thác nước cho nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt:**

Hiện tại và trong quy hoạch không có công trình nào khai thác, sử dụng nguồn nước trên suối Nậm Nhè khu vực hạ lưu nhà máy thủy điện Nậm Ngà đến tuyến đập chuyển nước của nhà máy thủy điện Nậm Chà 1 phục vụ cho sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp.

*** Đánh giá tác động:**

Hạ lưu nhà máy thủy điện Nậm Ngà là tuyến đập chuyển nước của thủy điện Nậm Chà 1. Thủy điện Nậm Chà 1 khai thác nguồn nước trên suối Nậm Chà và suối Nậm Nhè, thủy điện Nậm Ngà khai thác nguồn nước trên suối Nậm Ngà, tính theo tỷ lệ diện tích lưu vực thì tỷ lệ góp nước từ tuyến đập Nậm Ngà vào suối Nậm Nhè khoảng 13%, thủy điện Nậm Ngà có chế độ điều tiết ngày đêm nước sau phát điện xả ra suối Nậm Nhè chảy vào tuyến đập phụ của thủy điện Nậm Chà 1, tổng lượng nước xả về hạ du trong ngày không thay đổi, đồng thời khi các công trình đi vào vận hành

các chủ công trình sẽ xây dựng cơ chế phối hợp vận hành nên về cơ bản không ảnh hưởng nhiều tới nguồn nước về thủy điện Nậm Chà 1.

3.2.4. Khu vực thượng lưu và hạ lưu suối nhánh cấp I của suối Nậm Ngà đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà (0,36 km)

*** Hiện trạng khai thác, sử dụng nước:**

****/ Khai thác nước cho sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp:**

Hiện tại và trong quy hoạch không có công trình nào khai thác, sử dụng nguồn nước trên nhánh suối phụ lưu cấp I bờ phải của suối Nậm Ngà khu vực thượng lưu đập phụ và từ đập phụ đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà phục vụ cho sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp.

***/ Khai thác nước cho thủy điện:** Hiện tại và trong quy hoạch không có công trình thủy điện nào khai thác, sử dụng nguồn nước trên nhánh suối phụ lưu cấp I bờ phải của suối Nậm Ngà khu vực thượng lưu đập phụ và từ đập phụ đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà.

*** Đánh giá tác động:**

Khu vực nhánh suối phụ lưu cấp I bờ phải của suối Nậm Ngà từ đập phụ đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà không có công trình nào khai thác, sử dụng nguồn nước trên dòng chính. Khi công trình thủy điện Nậm Ngà đi vào vận hành sẽ làm suy giảm dòng chảy trên đoạn suối nhánh suối phụ lưu cấp I bờ phải của suối Nậm Ngà từ đập phụ đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà có chiều dài khoảng 0,36 km gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái thủy sinh trên đoạn suối này, Công ty đã sẽ duy trì xả dòng chảy tối thiểu thường xuyên, liên tục sau đập phụ với lưu lượng không nhỏ hơn 0,015 m³/s để đảm bảo duy trì hệ sinh thái thủy sinh.

IV. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU CÁC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

4.1. Biện pháp, phương án bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, đảm bảo yêu cầu cấp nước hạ du

Dự án thủy điện Nậm Ngà thuộc công trình thủy điện đường dẫn, tuyến đập chính nằm trên suối Nậm Ngà tạo thành hồ chứa điều tiết ngày đêm và nhà máy được xây dựng bên bờ trái suối Nậm Nhè, nước sau phát điện được xả ra suối Nậm Nhè, tuyến đập phụ xây dựng trên suối nhánh bờ phải phụ lưu cấp I của suối Nậm Ngà. Vì vậy theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024, công trình thủy điện Nậm Ngà phải duy trì dòng chảy tối thiểu tại vị trí sau đập chính và sau đập phụ.

(1) Đối với tuyến đập chính Nậm Ngà

*** Dòng chảy đến tuyến đập chính thủy điện Nậm Ngà:**

- Lưu lượng trung bình năm: 6,86 m³/s
- Lưu lượng trung bình mùa kiệt: 2,97 m³/s
- Lưu lượng trung bình 3 tháng kiệt nhất: 1,65 m³/s
- Lưu lượng trung bình tháng kiệt nhất trung bình nhiều năm: 1,49 m³/s.

- Lưu lượng tháng kiệt nhất trong chuỗi số liệu tính toán là $0,68 \text{ m}^3/\text{s}$ (tháng 4/1969).

* **Mức xác định DCTT:** Dòng chảy tối thiểu sau tuyến đập chính Nậm Ngà nằm trong phạm vi lưu lượng tháng kiệt nhất đến lưu lượng trung bình của 3 tháng kiệt nhất ($0,68 \div 1,65 \text{ m}^3/\text{s}$) theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024.

* **Nhu cầu sử dụng nước trên đoạn suối Nậm Ngà khu vực hạ du tuyến đập chính cho đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè**

Đoạn suối Nậm Ngà khu vực từ tuyến đập chính đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè: Hiện tại và trong quy hoạch không có công trình nào khai thác, sử dụng nguồn nước suối Nậm Ngà trên đoạn suối từ tuyến đập chính đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè phục vụ cho sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp.

* **Xác định lưu lượng dòng chảy tối thiểu:**

Căn cứ vào nhu cầu khai thác, sử dụng nước khu vực suối Nậm Ngà sau đập chính đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Nhè, hiện tại và trong quy hoạch không có công trình nào khai thác, sử dụng nước trên dòng chính suối Nậm Ngà. Như vậy, dòng chảy tối thiểu cần duy trì sau đập chính Nậm Ngà là dòng chảy duy trì trên sông và đảm bảo duy trì hệ sinh thái thủy sinh nên công ty đề xuất giá trị dòng chảy tối thiểu duy trì sau đập chính Nậm Ngà là $0,68 \text{ m}^3/\text{s}$ tương ứng với lưu lượng tháng nhỏ nhất trong chuỗi số liệu tính toán (1963-2023), phù hợp theo quy định tại Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT đảm bảo mức dòng chảy tối thiểu nằm trong lưu lượng tháng kiệt nhất đến lưu lượng trung bình của 3 tháng kiệt nhất ($0,68 \div 1,65 \text{ m}^3/\text{s}$).

Xem xét điểm kiểm soát tại quy hoạch tổng hợp trên lưu vực sông Hồng: Tại Phụ lục III – Dòng chảy tối thiểu ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 6/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng – Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, vị trí quy định dòng chảy tối thiểu là vị trí trước khi suối Nậm Ngà nhập lưu vào suối Nậm Nhè quy định $Q_{tt} = 0,9 \text{ m}^3/\text{s}$. Do vậy, với lưu lượng duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập chính thủy điện Nậm Ngà là $0,68 \text{ m}^3/\text{s}$ khi tính chuyển theo tỷ lệ diện tích về đến vị trí trước khi suối Nậm Ngà nhập lưu vào suối Nậm Nhè ($F_{lv} = 398 \text{ km}^2$) là $1,49 \text{ m}^3/\text{s}$ nên hoàn toàn đáp ứng theo quy định $Q_{tt} = 0,9 \text{ m}^3/\text{s}$.

* **Biện pháp công trình xả DCTT:** Để đảm bảo lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu về hạ du sau đập chính Nậm Ngà. Công ty đã bố trí ống xả dòng chảy tối thiểu nằm trong đập dâng vai phải, có đường kính $D = 0,4 \text{ m}$, cao độ tim ống vào 460 m (dưới MNC 3 m), cao trình tim cửa ra 450 m, kết cấu ống thép.

Khả năng xả của đường ống có áp theo TCVN 9151-2012 được xác định theo công thức như sau:

$$Q_x = (\mu \cdot \omega) \sqrt{2 \cdot g \cdot (Z_{tl} - Z_{hl})}$$

Trong đó:

ω : Diện tích mặt cắt đường ống: $\omega = \pi \cdot D^2 / 4 = 0,126 \text{ m}^2$;

Q: Lưu lượng qua cống xả sâu (m³/s);

μ : Hệ số lưu lượng xác định theo công thức:

$$\mu = \frac{1}{\sqrt{\alpha + \sum \xi_i \cdot \left(\frac{\omega_r}{\omega_i}\right)^2}}$$

- α : Hệ số động năng tại mặt cắt ra, $\alpha = 1$;

- ω_r, ω_i : Diện tích mặt cắt cửa ra, diện tích cống, $\omega_r = \omega_i = 0,126 \text{ m}^2$;

- $\Sigma \xi$: Tổng các tổn thất, $\Sigma \xi = \xi_v + \xi_{kv} + \xi_d$

- ξ_v : Hệ số tổn thất tại cửa vào phụ thuộc $r/N = 1$, $\xi_v = 0,08$;

- ξ_{kv} : Hệ số tổn thất qua khe van phụ thuộc vào chiều rộng khe. $\xi_{kv} = 0,1$;

- ξ_d : Hệ số tổn thất dọc đường.

$$\xi_d = \frac{2g.L}{C^2.R}$$

R: Bán kính thủy lực: $R = \frac{\omega}{\chi}$

χ : Chu vi ướt: $\chi = \frac{\pi.(D)}{2} + 2.(D) = 1,43$; $R = 0,088$

C: Hệ số cô di: $C = 1/(n.R^{1/6}) = 124,95$

n: độ nhám tương đối của thép ($n = 0,012$)

Ta có: $\xi_d = 0,099$; $\mu = 0,88$

- Mức nước thượng lưu tương ứng từ MNC đến MNDBT: $Z_{dl} = 463 \div 465 \text{ m}$

- Cao trình ngưỡng ống xả: 460 m

* Khả năng xả của đường ống có áp ứng với các cấp mực nước từ MNC đến MNDBT và độ mở cửa van hoàn toàn.

Bảng 3. Năng lực xả ứng với cấp mực nước

H (m)	Q (m ³ /s)
463(MNC)	0,85
464	0,98
465(MNDBT)	1,10

Như vậy, khi mực nước hồ ở cao trình MNDBT (465m) thì $Q_{xã} = 1,10 \text{ m}^3/\text{s}$, ở cao trình MNC (463m) thì $Q_{xã} = 0,85 \text{ m}^3/\text{s}$ hoàn toàn đảm bảo lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu sau đập chính Nậm Ngà là $0,68 \text{ m}^3/\text{s}$ và xả gia tăng về hạ du khi có yêu cầu.

(2) Đối với tuyến đập phụ Nậm Ngà

* Dòng chảy đến tuyến đập phụ thủy điện Nậm Ngà

- Lưu lượng trung bình năm: $0,156 \text{ m}^3/\text{s}$

- Lưu lượng trung bình mùa kiệt: $0,068 \text{ m}^3/\text{s}$

- Lưu lượng trung bình 3 tháng kiệt nhất: $0,04 \text{ m}^3/\text{s}$

- Lưu lượng trung bình tháng kiệt nhất trung bình nhiều năm: $0,034 \text{ m}^3/\text{s}$.

- Lưu lượng tháng kiệt nhất trong chuỗi số liệu tính toán là 0,015 m³/s (tháng 4/1969).

* **Mức xác định DCTT:** Dòng chảy tối thiểu sau tuyến đập phụ Nậm Ngà nằm trong phạm vi lưu lượng tháng kiệt nhất đến lưu lượng trung bình của 3 tháng kiệt nhất ($0,015 \div 0,04$ m³/s) theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024.

* **Nhu cầu sử dụng nước trên đoạn suối nhánh cấp I của suối Nậm Ngà khu vực hạ du tuyến đập phụ Nậm Ngà cho đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà:** Hiện tại và trong quy hoạch không có công trình nào khai thác, sử dụng nguồn nước trên dòng chính suối nhánh cấp I bờ phải của suối Nậm Ngà từ đập phụ đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà để phục vụ cho sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp.

* **Xác định lưu lượng dòng chảy tối thiểu:**

Trên cơ sở lưu lượng tháng nhỏ nhất cho đến lưu lượng trung bình 3 tháng nhỏ nhất đến tuyến đập phụ Nậm Ngà nằm trong khoảng 0,015 m³/s đến 0,04 m³/s và căn cứ nhu cầu khai thác nước khu vực suối nhánh phụ lưu cấp I bờ phải của suối Nậm Ngà từ đập phụ đến điểm nhập lưu vào suối Nậm Ngà không có công trình nào khai thác nước trên dòng chính, nhận thấy dòng chảy tối thiểu cần duy trì sau đập phụ thủy điện Nậm Ngà là dòng chảy cần duy trì trên suối để đảm bảo duy trì sự phát triển của hệ sinh thái thủy sinh. Do vậy, Công ty đề xuất lưu lượng duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập phụ thủy điện Nậm Ngà là 0,015 m³/s tương ứng với Q_{tmin} trong chuỗi số liệu tính toán, phù hợp theo quy định tại Thông tư 03/2024/TT-BTNMT đảm bảo mức dòng chảy tối thiểu nằm trong lưu lượng tháng nhỏ nhất đến lưu lượng trung bình 3 tháng nhỏ nhất ($0,015 \div 0,04$ m³/s).

Biện pháp công trình xả DCTT: Để đảm bảo lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu về hạ du. Công ty đã bố trí ống xả dòng chảy tối thiểu nằm trong đập dâng, có đường kính $D = 0,15$ m, cao độ tim ống vào 466,5 m (dưới ngưỡng tràn 0,5m), kết cấu ống thép.

Khả năng xả của đường ống có áp theo TCVN 9151-2012 được xác định theo công thức như sau:

$$Q_x = (\mu \cdot \omega) \sqrt{2 \cdot g \cdot (Z_{tl} - Z_{hl})}$$

Trong đó:

ω : Diện tích mặt cắt đường ống: $\omega = \pi \cdot D^2 / 4 = 0,018 \text{ m}^2$;

Q : Lưu lượng qua cống xả sâu (m³/s);

μ : Hệ số lưu lượng xác định theo công thức:

$$\mu = \frac{1}{\sqrt{\alpha + \sum \xi_i \cdot \left(\frac{\omega_r}{\omega_i} \right)^2}}$$

- α : Hệ số động năng tại mặt cắt ra, $\alpha = 1$;

- ω_r, ω_i : Diện tích mặt cắt cửa ra, diện tích cống, $\omega_r = \omega_i = 0,018 \text{ m}^2$;

- $\sum \xi$: Tổng các tổn thất, $\sum \xi = \xi_v + \xi_{kv} + \xi_d$

- ξ_v : Hệ số tổn thất tại cửa vào phụ thuộc $r/N = 1$, $\xi_v = 0,08$;
- ξ_{kv} : Hệ số tổn thất qua khe van phụ thuộc vào chiều rộng khe. $\xi_{kv} = 0,1$;
- ξ_d : Hệ số tổn thất dọc đường.

$$\xi_d = \frac{2g.L}{C^2.R}$$

$$R: \text{Bán kính thủy lực: } R = \frac{\omega}{\chi}$$

$$\chi: \text{Chu vi ướt: } \chi = \frac{\pi.(D)}{2} + 2.(D) = 0,54; R = 0,033$$

$$C: \text{Hệ số cô di: } C = 1/(n.R^{1/6}) = 147,14$$

$$n: \text{độ nhám tương đối của thép (n = 0,012)}$$

$$\text{Ta có: } \xi_d = 0,165; \mu = 0,86$$

- Mức nước thượng lưu tương ứng từ MNC đến MNDBT: MNDBT=MNC=467 m

- Cao trình ngưỡng ống xả: 466,5 m

* Khả năng xả của đường ống có áp ứng với các cấp mực nước từ MNC đến MNDBT và độ mở cửa van hoàn toàn.

Bảng 4. Năng lực xả ứng với cấp mực nước

H (m)	Q (m ³ /s)
467(MNC=MNDBT)	0,05

Như vậy, khi mực nước hồ ở cao trình ngưỡng tràn (467 m) thì $Q_{x\grave{a}} = 0,05 \text{ m}^3/\text{s}$ hoàn toàn đảm bảo lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu sau đập phụ Nậm Ngà là $0,015 \text{ m}^3/\text{s}$ và xả gia tăng về hạ du khi có yêu cầu.

4.2. Bảo vệ hành lang bảo vệ hồ chứa

Công trình Thủy điện Nậm Ngà có tổng dung tích trên $1.000.000 \text{ m}^3$ nên thuộc đối tượng phải cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. Công ty sẽ xây dựng phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước của thủy điện Nậm Ngà để trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi công trình đi vào vận hành.

4.3. Giải pháp đảm bảo sử dụng dung tích chết của hồ chứa trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 50 Luật tài nguyên nước: Việc thiết kế và bố trí tổng thể công trình đầu mối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Điều 24 của Luật tài nguyên nước, xả nước gia tăng về hạ du khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, sử dụng dung tích chết của hồ chứa trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng. Hồ chứa chính Nậm Ngà có dung tích toàn bộ là $3,11 \text{ triệu m}^3$, dung tích hữu ích là $0,48 \text{ triệu m}^3$, MNDBT/MNC = $465/463 \text{ m}$; Hồ chứa phụ Nậm Ngà có MNDBT/MNC = $467/467 \text{ m}$.

Tại đập chính: Công trình xả dòng chảy tối thiểu thông qua 01 đường ống $D = 0,4$ m, thiết kế cao trình ngưỡng ống là 460 m (thấp hơn mực nước chết 3 m), năng lực xả max ứng với MNC (463 m) là $0,85 \text{ m}^3/\text{s}$ đảm bảo xả về hạ du với lưu lượng lớn hơn lưu lượng dòng chảy tối thiểu đề xuất $0,68 \text{ m}^3/\text{s}$ và có năng lực xả nước về hạ du khi mực nước hồ nhỏ hơn mực nước chết.

Tại đập phụ: Công trình xả dòng chảy tối thiểu thông qua 01 đường ống $D = 0,15$ m, thiết kế cao trình ngưỡng ống là 466,5 m (thấp hơn mực nước chết 0,5 m), năng lực xả max ứng với MNC (467 m) là $0,05 \text{ m}^3/\text{s}$ đảm bảo xả về hạ du với lưu lượng lớn hơn lưu lượng dòng chảy tối thiểu đề xuất $0,015 \text{ m}^3/\text{s}$ và có năng lực xả nước về hạ du khi mực nước hồ nhỏ hơn mực nước chết.

Với biện pháp đã trình bày trên, tùy theo lượng nước yêu cầu hạ du, Công ty sẽ điều chỉnh cửa van vận hành công trình xả đảm bảo có thể xả nước trong trường hợp mực nước hồ thấp hơn mực nước chết.

Ngoài ra, tại đập chính và đập phụ có bố trí cống xả cát để định kỳ xả bùn cát về hạ du nên có thể sử dụng khi trong điều kiện hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng. Tại đập chính bố trí cống xả cát có kích thước (3,0x3,0) m, cao độ ngưỡng cống 441,5 m (dưới MNC 21,5m). Tại đập phụ bố trí cống xả cát có kích thước (0,8x0,8) m, cao độ ngưỡng cống 465 m (dưới MNC 2m)

Với hai biện pháp đã trình bày trên, tùy theo lượng nước yêu cầu hạ du, Công ty sẽ điều chỉnh cửa van vận hành công trình xả đảm bảo có thể xả nước trong trường hợp mực nước hồ thấp hơn mực nước chết.

4.4. Giải pháp đảm bảo vận hành an toàn công trình

Đối với các biện pháp đảm bảo an toàn đập của công trình theo quy định của Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước:

- + Công trình thủy điện Nậm Ngà sẽ xây dựng quy trình vận hành hồ chứa và trình cấp thẩm quyền phê duyệt (hoàn thành trước tháng 9/2028) trước khi vận hành công trình.

- + Trước khi công trình thủy điện Nậm Ngà tích nước vận hành, Công ty xây dựng phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước Nậm Ngà để trình cấp thẩm quyền phê duyệt; xây dựng phương án ứng phó thiên tai, ứng phó với tình huống khẩn cấp trình UBND xã Nậm Hàng và xã Mường Mô thẩm định và phê duyệt, hàng năm tiếp theo Công ty sẽ thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó để trình UBND các xã Nậm Hàng và xã Mường Mô phê duyệt.

- + Trong quá trình vận hành, Công ty thường xuyên kiểm tra, kiểm định, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định, báo cáo định kỳ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước về UBND tỉnh, Sở Công Thương tỉnh Lai Châu.

Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình đầu mối thủy điện Nậm Ngà, chủ động đề phòng mọi bất trắc, với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm; không được để mực nước hồ Nậm Ngà vượt mực nước dâng gia cường.

Hàng ngày ghi chép các yếu tố khí hậu thủy văn trên lưu vực, phân tích đánh giá theo dõi các hiện tượng thăm thấu, rò rỉ qua thân, nền, vai đập, sự chuyển dịch vị trí đập, hiện tượng, nún, nứt, sạt lở đập... Theo dõi và đối chiếu các yếu tố dòng chảy lũ, thủy văn so với thiết kế để có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời.

Thực hiện nghiêm chế độ tuần tra, kiểm soát toàn bộ tuyến đập và tuyến đường ống áp lực, tuyến hầm dẫn nước, thực hiện thường trực 24/24h. Phát hiện và báo cáo kịp thời tình hình an ninh trật tự, xảy ra trong phạm vi đập đầu mối và toàn bộ tuyến năng lượng, tuyến ống áp lực.

Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Giám đốc Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà có trách nhiệm xử lý sự cố, đồng thời báo ngay cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Ban chỉ huy PCTT&TKCN và PTDS tỉnh Lai Châu, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Nậm Hàng và xã Mường Mô, đồng thời thông báo cho các chủ đập hồ chứa thủy điện, thủy lợi và thông báo trên hệ thống cảnh báo được lắp đặt ở khu vực hạ du để người dân chủ động, có ứng phó cần thiết.

Tháng 4 hàng năm là thời kỳ tổng kiểm tra trước mùa lũ, Giám đốc Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định, đồng thời báo cáo kết quả đến Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Ban chỉ huy PCT, TKCN và PTDS tỉnh Lai Châu, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Nậm Hàng và xã Mường Mô để theo dõi chỉ đạo.

Trường hợp có sự cố về công trình và trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước thời hạn, Giám đốc Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà phải có biện pháp xử lý phù hợp kịp thời và báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Ban chỉ huy PCT, TKCN và PTDS tỉnh Lai Châu, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Nậm Hàng và xã Mường Mô để theo dõi chỉ đạo và thông báo cho các chủ đập hồ chứa thủy điện, thủy lợi và thông báo trên hệ thống cảnh báo được lắp đặt ở khu vực hạ du để người dân chủ động, có ứng phó cần thiết.

V. BIỆN PHÁP GIÁM SÁT QUÁ TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC

Theo Điều 89 Nghị định số 53/NĐ-CP ngày 16/5/2024, công trình thủy điện Nậm Ngà có dung tích hồ chứa ($W_{tb} = 3,11 \times 10^6 \text{ m}^3$) lớn hơn 1 triệu m^3 nên Công ty sẽ phải thực hiện quan trắc tự động để giám sát trực tuyến đối với các thông số: Mức nước hồ tại đập chính và đập phụ, lưu lượng xả duy trì DCTT tại đập chính và đập phụ, lưu lượng xả qua nhà máy và lưu lượng xả qua tràn. Đồng thời giám sát bằng camera đối với lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, lưu lượng xả qua tràn và lưu lượng xả qua nhà máy. Thời gian dự kiến hoàn thành việc lắp đặt vào tháng 9/2028 (trước khi công trình đi vào vận hành). Hình thức và chế độ giám sát các thông số cụ thể như sau:

- Giám sát mực nước: lắp đặt thiết bị cảm biến quan trắc tự động mực nước hồ tại thân đập chính và đập phụ, dữ liệu được truyền về phòng điều khiển trung tâm của nhà máy, có màn hình hiển thị thông số quan trắc. Thực hiện chế độ giám sát liên tục, không

quá 15 phút 01 lần.

- Giám sát lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu: lắp đặt thiết bị cảm biến đo lưu lượng tại cửa ra của mỗi ống xả dòng chảy tối thiểu trong thân đập kết nối truyền dữ liệu về phòng điều khiển trung tâm. Thực hiện chế độ giám sát liên tục, không quá 15 phút 01 lần. Ngoài ra, Công ty sẽ lắp đặt camera giám sát hình ảnh tại hạ lưu đập để vừa giám sát xả tràn và giám sát xả dòng chảy tối thiểu.

- Giám sát lưu lượng phát điện: Sử dụng thiết bị cảm biến đo tốc độ dòng chảy và áp lực nước tại tổ máy, được kết nối số liệu vào phòng điều khiển trung tâm chiết xuất ra số liệu để xử lý. Các số liệu này được lưu vào sổ tay và máy tính gồm: các giờ phát điện, công suất phát và sản lượng điện, lưu lượng phát điện của nhà máy. Thực hiện chế độ giám sát không quá 15 phút 01 lần.

- Giám sát lưu lượng xả qua tràn: Lưu lượng xả qua tràn được tính toán thông qua đường quan hệ mực nước, lưu lượng. Số liệu được cập nhật không quá 15 phút/lần. Ngoài ra, Công ty sẽ lắp đặt camera giám sát hình ảnh tại hạ lưu đập để vừa giám sát xả tràn và giám sát xả dòng chảy tối thiểu.

VI. CAM KẾT CỦA CÔNG TY

- Nghiêm túc thực hiện các giải pháp khắc phục, giảm thiểu tác động của công trình khai thác, sử dụng nước và lộ trình thực hiện.

- Tuân thủ Luật Tài nguyên nước và các quy định của nhà nước về bảo vệ nguồn nước và môi trường.

- Tuân thủ thực hiện đúng Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện được phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc việc xả dòng chảy tối thiểu theo đúng quy định trong Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp.

- Hằng năm lập kế hoạch sử dụng nước trên cơ sở quy trình vận hành công trình, yêu cầu duy trì dòng chảy tối thiểu, kết quả dự báo tình hình biến đổi dòng chảy của cơ quan khí tượng thủy văn và nhu cầu sử dụng nước của địa phương; thông báo kế hoạch điều tiết nước cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có hồ chứa và vùng hạ lưu hồ chứa.

- Thực hiện việc quản lý an toàn đập theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 quy định về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Bảo đảm vận hành công trình an toàn; không gây biến đổi lớn đến chế độ dòng chảy hạ lưu hồ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

PHỤ LỤC

VĂN BẢN, GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 6200123440

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 04 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN NẬM NGÀ
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM NGÀ HYDROPOWER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NAM NGÀ Co.,Ltd

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 24, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Điện thoại: 0856792888

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 300.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG THỊ GẮM	Việt Nam	Tổ 24, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam	258.000.000.000	86,000	034161014163	
2	ĐỖ XUÂN LONG	Việt Nam	Số 111 Ngõ 117 phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	12.000.000.000	4,000	038082004303	

3	ĐINH THỊ KỶ	Việt Nam	Xóm Sơn Hải, Xã Yên Phương, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	12.000.000.000	4,000	036159022 210	
4	VŨ THỊ PHƯƠNG LIÊN	Việt Nam	411-H94, Tổ 18, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	12.000.000.000	4,000	001166025 001	
5	KHÚC VĂN NHÀN	Việt Nam	Tổ 24, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam	6.000.000.000	2,000	034057010 880	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG THỊ GÁM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 10/02/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034161014163

Ngày cấp: 03/05/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 24, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 24, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu,
Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phạm Hồng Khản



Số: 3062/BCT-ĐL

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2024

V/v góp ý kiến đối với dự án thủy
điện Nậm Ngà, tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lai Châu

Bộ Công Thương nhận được Văn bản số 1413/UBND-KTN ngày 17 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc góp ý kiến đối với Dự án thủy điện Nậm Ngà (Dự án), kèm theo Báo cáo đầu tư Dự án do Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư năng lượng Việt Hưng lập ngày 10 tháng 4 năm 2024. Sau khi xem xét, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Ngày 01 tháng 4 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 262/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII). Tại Bảng 10 thuộc Quyết định nêu trên, Dự án có quy mô công suất 24 MW và dự kiến đưa vào vận hành giai đoạn 2026 – 2030.

Ngày 07 tháng 12 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1585/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo Báo cáo đầu tư, Dự án được đề xuất đấu nối với cấp điện áp 110 kV thuộc Phụ lục VI (Phương án phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050) của Quy hoạch tỉnh. Do đó, UBND tỉnh Lai Châu chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá sự phù hợp phương án đấu nối của Dự án với Quy hoạch tỉnh.

2. Thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao, hiện nay Bộ Công Thương đang tiếp tục rà soát để tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

3. Căn cứ các Quyết định số 262/QĐ-TTg, số 1585/QĐ-TTg và các văn bản pháp lý có liên quan, UBND tỉnh Lai Châu có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Dự án: (i) Đúng quy mô công suất, tiến độ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (ii) đảm bảo không ảnh hưởng đến các dự án thủy điện liên kề phía thượng, hạ lưu và các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi trong khu vực; (iii) hướng dẫn chủ

đầu tư Dự án thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về Đất đai, Đầu tư, Xây dựng, Lâm nghiệp, Môi trường, Tài nguyên nước,...

4. UBND tỉnh Lai Châu xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án theo thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Bộ Công Thương đề nghị UBND tỉnh Lai Châu nghiên cứu, xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở KH&ĐT tỉnh Lai Châu;
- Sở CT tỉnh Lai Châu;
- Lưu: VT, ĐL (Dungtrt).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Số: 968/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 01 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI
CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM NÀ**
(Cấp lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến
hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến
đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số
03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm
nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực
Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ
2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nậm Nhùn; Quyết
định số 693/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm công trình, dự án trong
Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Nậm Nhùn và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của
huyện Nậm Nhùn;



(Signature)

Căn cứ Công văn số 3062/BCT-ĐL ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Bộ Công Thương về việc góp ý kiến đối với dự án thủy điện Nậm Ngà, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Thông báo số 358-TB/VPTU ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Văn phòng Tỉnh ủy Lai Châu về việc thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà và các ý kiến của các cơ quan liên quan;

Xét báo cáo thẩm định số 1218TTr-SKHĐT ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận Nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư: **Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà.**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 6200123440, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 09 tháng 4 năm 2024.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Điện thoại: 0856.792.888.

2. Tên dự án đầu tư: **Thủy điện Nậm Ngà**

3. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng mới thủy điện Nậm Ngà nhằm sản xuất điện, phát điện hòa vào lưới điện quốc gia với điện lượng trung bình năm khoảng 76,15 triệu kWh để phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; tìm kiếm lợi nhuận cho nhà đầu tư, tạo việc làm cho người lao động; góp phần tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Stt	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Sản xuất điện	3511	
2	Truyền tải và phân phối điện	3512	

07/

4. Quy mô dự án: Thủy điện Nậm Ngà thuộc loại công trình công nghiệp, nhà máy có 02 tổ máy với tổng công suất lắp máy là 24MW, điện lượng trung bình năm khoảng 76,15 triệu kWh.

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 32,39 ha, trong đó: Diện tích mặt bằng công trình 29,75 ha; diện tích công trình ngầm: 2,64 ha.

- Các hạng mục công trình chính: Đập chính, Chiron gom nước, hệ thống tuyến năng lượng; nhà máy thủy điện; nhà quản lý vận hành; tuyến đường thi công vận hành + các hạng mục phụ trợ; trạm biến áp và tuyến đường dây truyền tải điện.

5. Tổng vốn đăng ký đầu tư và nguồn vốn

- Tổng vốn đăng ký đầu tư: 962.279 triệu đồng.

- Nguồn vốn đăng ký đầu tư:

+ Vốn góp để thực hiện dự án: 30%, tương đương 288.684 triệu đồng.

+ Vốn huy động (vay các tổ chức tín dụng): 70%, tương đương 673.595 triệu đồng.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Các xã Nậm Chà, Nậm Manh, Nậm Hàng và thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

8. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 32,39 ha, trong đó:

- Diện tích các hạng mục mặt bằng công trình: 29,75 ha, Bao gồm: Cụm đập đầu mối + lòng hồ; tháp điều áp; cửa hầm phụ, nhà máy, trạm biến áp + kênh xả; chiron gom nước; đường dây truyền tải, bãi thải + phụ trợ.

- Diện tích đất công trình ngầm: 2,64 ha.

9. Tiến độ thực hiện dự án

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn

- Vốn góp:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ (tr/đ)	USD			
1	Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà	288.684		30%	Tiền mặt	Đã góp đủ vốn

- Vốn huy động: Vốn vay của các tổ chức tín dụng 70% tổng vốn đăng ký đầu tư dự án và được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lai Châu đồng ý về mặt nguyên tắc cấp tín dụng cho Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà tại Văn bản số 360/NHN_o.LCh-KHDN ngày 10 tháng 4 năm 2024.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản: Khởi công quý III/2025 - Hoàn thành tháng 9 năm 2028, cụ thể:

- Từ quý II/2024 đến hết quý II/2025: Khảo sát thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, cắm chỉ giới đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, hoàn thiện thủ tục thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, đánh giá tác động môi trường và các thủ tục khác có liên quan đến dự án đảm bảo đủ điều kiện khởi công dự án.

- Từ quý III/2025 đến tháng 9 năm 2028: Khởi công thi công các hạng mục công trình chính và thi công hoàn thiện phần xây dựng; lắp đặt và hiệu chỉnh thiết bị nhà máy.

- Tháng 9 năm 2028: Phát điện, hoàn thành dự án đưa nhà máy vào khai thác.

10. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư

- Ưu đãi đầu tư: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Hỗ trợ đầu tư: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

- Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư dự án, Nhà đầu tư phải chấp hành và thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến dự án về đất đai, môi trường, xây dựng, khoáng sản, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi, di sản văn hóa và các quy định của pháp luật có liên quan; lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, thực hiện công khai phương án sử dụng nước mặt theo quy định và bồi thường cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng; chấp hành nghĩa vụ tài chính đầy đủ, đúng quy định với ngân sách nhà nước; ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương trong quá trình triển khai thực hiện dự án; chỉ được khởi công xây dựng công trình khi đảm bảo đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện dự án phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vận hành, an toàn dân cư, an toàn công trình, phòng

chống cháy nổ; không làm ảnh hưởng đến môi trường và các công trình, hạ tầng trong khu vực đầu tư của dự án; không ảnh hưởng đến rừng; không ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt, nước sản xuất nông nghiệp, các công trình cấp nước sinh hoạt, công trình thủy lợi và đảm bảo nguyên tắc điều hòa, phân phối tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước; nếu phát hiện ra khoáng sản, di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong phạm vi thực hiện dự án, Nhà đầu tư phải tạm ngừng triển khai và thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định. Nhà đầu tư phải có phương án vận tải phù hợp để không ảnh hưởng đến các công trình giao thông, đồng thời có kế hoạch khắc phục sửa chữa, gia cố, hoàn trả lại hiện trạng hạ tầng giao thông bị hư hỏng (nếu có).

- Trong quá trình xây dựng và vận hành công trình thủy điện Nậm Ngà, Nhà đầu tư phải ưu tiên và trả đủ nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân trong khu vực dự án và phía hạ lưu dự án; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do quá trình xây dựng, vận hành thủy điện Nậm Ngà làm mất nước, không đảm bảo đủ nguồn nước sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân.

- Triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung, tiến độ quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư, quy định của pháp luật có liên quan và nội dung cam kết thực hiện dự án của Nhà đầu tư. Nếu có sự sai khác, thay đổi về nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư Nhà đầu tư căn cứ vào quy định của pháp luật về đầu tư để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh trước khi thực hiện các bước tiếp theo.

- Bảo đảm thực hiện dự án: Nhà đầu tư phải ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh của ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư năm 2020 và Điều 25, Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo trước khi khởi công; trước khi khai thác, vận hành; tình hình thực hiện dự án trong giai đoạn đầu tư và khai thác vận hành (*định kỳ theo quý, năm*) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan, báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, biểu mẫu báo cáo tại Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*); cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và giám sát đánh giá đầu tư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

- Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi tiến độ thực hiện dự án đã phê duyệt tại Quyết định chủ trương đầu tư; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện dự án theo quy định; thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao; trường hợp nhà đầu tư vi phạm các nội dung đã được phê duyệt, chậm tiến độ thực hiện dự án hoặc vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền và báo cáo, tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, giúp Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai, khoáng sản, môi trường và các thủ tục khác theo lĩnh vực quản lý, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với Quyết định chủ trương đầu tư; phối hợp với Sở Công Thương thẩm định, đánh giá kỹ các hạng mục công trình đảm bảo an toàn kỹ thuật, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến dòng chảy, môi trường và an toàn phía hạ lưu công trình; không ảnh hưởng đến rừng tự nhiên tại bước cho thuê đất; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình quản lý và sử dụng đất đai, thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai của Nhà đầu tư, việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của dự án; xử lý hoặc đề xuất cơ quan thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; tăng cường thực hiện công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, giúp Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về lâm nghiệp và các thủ tục khác có liên quan đến dự án theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với Quyết định chủ trương đầu tư; phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Nậm Nhùn chịu trách nhiệm về số liệu, giám sát chặt chẽ diện tích rừng theo quy định; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát lại diện tích, hiện trạng rừng tại bước cho thuê đất đảm bảo không ảnh hưởng đến rừng tự nhiên; tăng cường thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Sở Công Thương: Hướng dẫn, giúp Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đầu tư thủy điện đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với Quyết định chủ trương đầu tư; trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở phải phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan thẩm định chặt chẽ theo quy định bảo đảm yêu cầu an toàn kỹ thuật và không ảnh hưởng đến dòng chảy, môi trường, an toàn phía hạ lưu công trình, các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt và

không ảnh hưởng đến rừng tự nhiên; tăng cường công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Sở Giao thông vận tải hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu nối và các thủ tục liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với Quyết định chủ trương đầu tư; kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công, vận hành dự án của Nhà đầu tư đồng thời yêu cầu Nhà đầu tư có kế hoạch khắc phục sửa chữa, gia cố, hoàn trả lại hiện trạng hạ tầng giao thông nếu bị hư hỏng; tăng cường thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Ủy ban nhân dân huyện Nậm Nhùn chịu trách nhiệm hướng dẫn, giúp Nhà đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, các thủ tục về đất đai, môi trường, lâm nghiệp, tham vấn cộng đồng và các thủ tục khác có liên quan đến dự án theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với Quyết định chủ trương đầu tư; kiểm tra, giám sát tình hình quản lý sử dụng đất đai theo phạm vi được duyệt, môi trường, rừng, sử dụng tài nguyên nước, thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Nhà đầu tư liên quan đến dự án đảm bảo theo quy định; tăng cường thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được phân cấp.

- Các sở, ban, ngành của tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến dự án theo quy định của pháp luật và phù hợp với Quyết định chủ trương đầu tư; trường hợp có sự sai khác so với nội dung đã quy định tại quyết định chủ trương đầu tư yêu cầu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh trước khi thực hiện các bước tiếp theo.

Điều 3. Ngừng hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

Dự án bị ngừng hoạt động theo quy định tại Điều 47 hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định, Văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư. Nhà đầu tư vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan; dự án không đảm bảo các điều kiện theo quy định trong đầu tư, khai thác và các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Nhà đầu tư tự chịu toàn bộ chi phí khi dự án bị ngừng hoặc chấm dứt hoạt động.

Điều 4. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: 50 (năm mươi năm), kể từ ngày Quyết định chủ trương đầu tư có hiệu lực.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nậm Nhùn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu./. *ĐM*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Công Thương (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Kt1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giảng A Tính

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 77/ĐT Quyển số: Sổ 01/2024 chứng thực sao y bản chính -SCT/BS
Ngày 05 tháng 07 năm 2024



Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Thủy điện Nậm Ngà”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Thủy điện Nậm Ngà tại Văn bản số 14.05/CV-NN ngày 14 tháng 5 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Thủy điện Nậm Ngà” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thủy điện Nậm Ngà (sau đây gọi là Chủ dự án), thực hiện tại các xã: Nậm Hàng, Nậm Manh, Nậm Chà và thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01

năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

an

Nơi nhận:

- Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- UBND tỉnh Lai Châu;
- Sở NN&MT tỉnh Lai Châu;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Lưu: VT, VPMC, MT/MP.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THU TRƯỞNG**

Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “THỦY ĐIỆN NẬM NGÀ”

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Thủy điện Nậm Ngà.
- Địa điểm thực hiện Dự án: thực hiện trên các xã Nậm Hàng, Nậm Manh, Nậm Chà và thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Thủy điện Nậm Ngà.
- Địa chỉ liên hệ: tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, Việt Nam.
- Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lai Châu phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án, cấp lần đầu tại Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024.
- Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024.

1.2. Quy mô, công suất

- Quy mô: tổng diện tích đất của Dự án khoảng 32,39 ha, trong đó, diện tích mặt bằng công trình khoảng 29,75 ha, diện tích công trình ngầm khoảng 2,64 ha.
- Công suất: dự án gồm 02 tổ máy với công suất lắp máy là 24 MW, điện lượng trung bình năm khoảng 76,15 triệu kWh.

1.3. Công nghệ sản xuất

Dự án là kiểu công trình thủy điện đường dẫn, khai thác, sử dụng nước suối Nậm Ngà. Tuyến đập chính (dạng đập dâng kết hợp đập tràn tự do) được xây dựng trên suối Nậm Ngà, Chiron gom nước được xây dựng trên nhánh suối phụ lưu cấp I của suối Nậm Ngà. Toàn bộ nước từ tuyến đập chính và từ Chiron gom nước dẫn nước theo đường hầm dẫn nước qua tháp điều áp về nhà máy thủy điện (được xây dựng trên suối Nậm Nhè).

Nước suối Nậm Ngà → Tuyến đập (đập chính, Chiron gom nước, cống xả dòng chảy tối thiểu, cống xả cát) → Tuyến năng lượng (cửa lấy nước, đường hầm

dẫn nước, tháp điều áp) → Nhà máy thủy điện → Kênh xả → Suối Nậm Nhè.

1.4. Phạm vi Dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.4.1.1. Các hạng mục công trình

- Các hạng mục công trình chính: tuyến đập chính, tuyến đập phụ lấy nước kiểu Chiron, hệ thống tuyến năng lượng (cửa lấy nước, đường hầm dẫn nước, tháp điều áp), nhà máy thủy điện (gồm 02 tổ máy, mỗi tổ máy có công suất lắp máy 12 MW), kênh xả hạ lưu, trạm biến áp 110 kV và đường dây truyền tải điện 110 kV dài khoảng 32,5 km.

- Các hạng mục phụ trợ: 05 bãi thải, đường thi công vận hành khoảng 11,35 km, máy trộn bê tông, trạm nghiền sàng, kho bãi, nhà quản lý vận hành, nhà ở công nhân.

- Các công trình bảo vệ môi trường:

+ 01 (một) hệ thống xử lý nước thải dạng hợp khối công suất 10 m³/ngày đêm.

+ 01 (một) hệ thống bể lọc dầu dung tích 16 m³.

+ 01 (một) khu lưu chứa chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường) diện tích 12,4 m².

+ 01 (một) khu lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 20 m².

+ 01 (một) hệ thống quan trắc tự động lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, lưu lượng xả qua tràn, lưu lượng qua nhà máy; camera giám sát lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, xả tràn, xả nước phát điện và truyền tín hiệu tự động, trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền về việc xả nước, xả dòng chảy tối thiểu theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

1.4.1.2. Các hoạt động của Dự án

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động chiếm dụng đất, phát quang, dọn dẹp mặt bằng, đào đắp, thi công các hạng mục công trình.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đất đá thải, phế thải.

- Hoạt động bố trí 04 khu phụ trợ; hoạt động nổ mìn, phá đá, hoạt động của máy trộn bê tông, trạm nghiền sàng.

- Hoạt động san gạt bề mặt bãi thải, trồng cây trên bề mặt bãi thải, thu dọn lòng hồ.

- Hoạt động rửa xe, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc.

- Hoạt động san lấp rãnh, bể lắng và hầm chứa nước thải sinh hoạt để hoàn trả mặt bằng sau khi kết thúc thi công, xây dựng.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động tích nước hồ chứa, vận hành các tổ máy phát điện, máy biến áp 110 kV, đường dây truyền tải điện 110 kV.

- Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trình thủy điện.

- Hoạt động thu gom xử lý nước thải; hoạt động thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại.

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

Hoạt động khai thác vật liệu bên ngoài ranh giới của Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng 16,36 ha đất rừng phòng hộ, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động chuyển mục đích sử dụng đất; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đất đá thải, phế thải, san gạt bề mặt bãi thải; hoạt động của các phương tiện, thiết bị phục vụ thi công; hoạt động phá đá, đào đắp, nổ mìn; hoạt động thi công các hạng mục công trình; hoạt động phá dỡ, phát quang, dọn dẹp mặt bằng trước khi thi công; hoạt động dọn dẹp lòng hồ trước khi tích nước; hoạt động rửa xe, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc; hoạt động của máy trộn bê tông và trạm nghiền sàng phát sinh bụi, tiếng ồn, rung chấn, khí thải, nước thải xây dựng, sinh khối, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; có nguy cơ xảy ra sự cố do nổ mìn, sạt lở, sập hầm, vỡ đê quây.

- Hoạt động chặn dòng để thi công đập chính, đập phụ ảnh hưởng đến các đối tượng sử dụng nước phía hạ du đập.

- Hoạt động của công nhân tham gia thi công, xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động san lấp rãnh, bể lắng và hầm chứa nước thải sinh hoạt để hoàn trả mặt bằng sau khi kết thúc thi công, xây dựng phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động tích nước hồ chứa, hoạt động điều tiết phát điện làm thay đổi địa hình, cảnh quan khu vực, thay đổi cục bộ chế độ thủy văn trong ngày của suối Nậm Ngà, suối Nậm Nhè, ảnh hưởng đến các đối tượng khai thác, sử dụng nước khu vực hạ du; nguy cơ xảy ra sự cố vỡ đập, ngập lụt vùng hạ du, sập hầm dẫn nước, sạt lở bờ hồ, bồi lắng hồ chứa.

- Hoạt động vận hành máy biến áp 110kV, đường dây truyền tải điện có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ.

- Hoạt động bảo dưỡng, vệ sinh các tổ máy phát điện phát sinh nước thải nhiễm dầu, chất thải nguy hại.

- Chất thải rắn là cành, lá cây từ thượng nguồn đổ về lòng hồ.

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Hoạt động của công nhân làm việc tại công trình thủy điện phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công khoảng 16 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo NO₃⁻), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO₃⁻) (tính theo P), tổng coliforms, trong đó:

- + Khu vực xây dựng tuyến đập chính (khu phụ trợ 01): 08 m³/ngày đêm.

- + Khu vực xây dựng tuyến hầm phụ (khu phụ trợ 02): 1,6 m³/ngày đêm.

- + Khu vực xây dựng đập phụ Chiron gom nước (khu phụ trợ 03): 1,6 m³/ngày đêm.

- + Khu vực xây dựng nhà máy thủy điện (khu phụ trợ 04): 4,8 m³/ngày đêm.
- Nước thải xây dựng
- + Nước thải từ hoạt động trộn bê tông, rửa vật liệu (chỉ phát sinh tại khu phụ trợ 01) khoảng 1,4 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.
- + Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe tại khu phụ trợ 01 khoảng 2,2 m³/ngày đêm và tại khu phụ trợ 04 khoảng 1,2 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, tổng dầu mỡ khoáng.
- + Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công hầm tại khu phụ trợ 02 khoảng 10,63 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại công trình thủy điện khoảng 1,6 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo NO₃⁻), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO₃⁻) (tính theo P), tổng coliforms.
- Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khoảng 07 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ, phát quang, thi công dọn dẹp mặt bằng; hoạt động của các thiết bị sử dụng dầu; hoạt động đào, đắp; hoạt động đổ thải; hoạt động của 01 máy trộn bê tông và 01 trạm nghiền sàng; hoạt động nổ mìn; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đất đá thải, phế thải, san gạt bề mặt bãi thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: SO₂, CO, NO₂.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Dự án không phát sinh bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

3.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công khoảng 160 kg/ngày, trong đó: khu phụ trợ 01 khoảng 80 kg/ngày, khu phụ trợ 02 khoảng 16 kg/ngày, khu phụ trợ 03 khoảng 16 kg/ngày, khu phụ trợ 04 khoảng 48 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thực phẩm thừa, vỏ hộp, bao bì đựng thức ăn.

- Sinh khối phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng khoảng 194,56 tấn. Thành phần chủ yếu: cành, lá, rễ cây.

- Đất đá thải phát sinh từ hoạt động đào đắp khoảng 72.800 m³.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng khoảng 109,40 tấn. Thành phần chủ yếu: bìa các tông, giá gỗ dựng thiết bị, đầu mẫu sắt thép, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, bê tông thừa.

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại nhà máy thủy điện khoảng 08 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thực phẩm thừa, vỏ hộp, bao bì đựng thức ăn.

- Chất thải rắn là xác cây từ thượng nguồn về hồ khoảng 70 kg/ngày đem vào mùa kiệt và khoảng 500 kg/ngày đem vào mùa mưa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc khoảng 2.171,11 kg/năm. Thành phần chủ yếu: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, bao bì thải, cặn dầu, pin, ắc quy hỏng.

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, vệ sinh các tổ máy phát điện khoảng 235 kg/năm. Thành phần chủ yếu: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, bao bì thải, cặn dầu, pin, ắc quy hỏng.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải; hoạt động của các thiết bị thi công, máy trộn bê tông, trạm nghiền sàng và hoạt động nổ mìn.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh khi vận hành nhà máy thủy điện và các thiết bị phụ trợ phục vụ vận hành nhà máy.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Rủi ro, sự cố môi trường

3.4.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tác động của hoạt động thi công, xây dựng đến dòng chảy.

- Nguy cơ sự cố sạt lở tại các vị trí thi công, sạt lở bãi thải; sự cố vỡ đê quây, sự cố do nổ mìn; sự cố đào hầm dẫn nước, sự cố cháy nổ.

3.4.1.2. Giai đoạn vận hành

- Sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Thay đổi dòng chảy.
- Nguy cơ ngập lụt vùng hạ du do sự cố vỡ đập, sập hầm dẫn nước.
- Sự cố cháy nổ.

3.4.2. Các tác động khác

3.4.2.1. Tác động do chuyển mục đích sử dụng đất

Việc chuyển mục đích sử dụng đất (16,36 ha đất rừng phòng hộ, 0,27 rừng sản xuất, 0,43 ha đất trồng lúa 01 vụ và 0,25 ha đất trồng lúa nương) làm thu hẹp diện tích đất rừng, diện tích đất trồng lúa, giảm độ che phủ rừng, ảnh hưởng đến hệ sinh thái, môi trường tự nhiên, môi trường sống của các loài động thực vật, ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

3.4.2.2. Nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Nước mưa chảy tràn tại khu phụ trợ 01 khoảng 0,5142 m³/phút, tại khu phụ trợ 02 khoảng 0,05352 m³/phút, tại khu phụ trợ 03 khoảng 0,104 m³/phút, tại khu phụ trợ 04 khoảng 0,33 m³/phút. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

b) Giai đoạn vận hành

Nước mưa chảy tràn khu vực nhà máy thủy điện với lưu lượng lớn nhất khoảng 1,56 m³/phút. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Nước thải sinh hoạt

- Khu phụ trợ 01: lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động (dung tích bồn chứa chất thải của mỗi nhà vệ sinh là 05 m³) để thu gom nước thải từ hoạt động vệ sinh, tắm giặt; lắp đặt 01 bể tách dầu mỡ dung tích 0,5 m³ tại khu vực nấu ăn; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 02 tuần/lần hoặc tùy khối lượng phát sinh).

Quy trình: nước thải sinh hoạt (nước thải từ hoạt động vệ sinh, tắm giặt sau khi được thu gom vào nhà vệ sinh di động và nước thải từ hoạt động nấu ăn sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ) → Hàm chứa nước thải dung tích 21,6 m³ → Đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Khu phụ trợ 02 và 03: lắp đặt tại mỗi khu phụ trợ 01 nhà vệ sinh di động (dung tích bồn chứa chất thải 05 m³) và xây dựng 01 hàm chứa nước thải dung tích 8,4 m³ để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 02 tuần/lần hoặc tùy khối lượng phát sinh).

Quy trình: nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Hàm chứa nước thải dung tích 8,4 m³; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 02 tuần/lần hoặc tùy khối lượng phát sinh).

- Khu phụ trợ 04: xây dựng 01 bể tự hoại dung tích 8,4 m³; 01 bể tách dầu mỡ dung tích 0,5 m³ và lắp đặt 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt dạng hợp khối công suất 10 m³/ngày đêm. Toàn bộ nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh trong quá trình thi công, lắp đặt bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được thu gom vào 01 nhà vệ sinh di động dung tích 05 m³; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình: nước thải sinh hoạt → Xử lý sơ bộ (Bể tự hoại đối với nước thải từ hoạt động tắm, giặt, vệ sinh và bể tách dầu mỡ đối với nước thải từ khu bếp) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt dạng hợp khối (Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Selector → Bể SBR → Bể khử trùng) → Suối Nậm Nhè.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2) xả ra suối Nậm Nhè tại vị trí có tọa độ: X (m) = 2452454; Y (m) = 479851 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 103°00', múi chiếu 3°).

b) Nước thải thi công

- Khu phụ trợ 01:

+ Xây dựng 01 bể lắng khoảng 03 m³ để lắng thu gom toàn bộ nước từ máy trộn bê tông. Toàn bộ nước sau lắng cần được tái sử dụng để trộn bê tông, không thải ra môi trường.

+ Xây dựng 01 bể lắng 03 ngăn dung tích 03 m³, lắp đặt tấm lọc dầu để loại bỏ dầu mỡ lẫn trong nước thải từ hoạt động rửa xe. Toàn bộ nước sau lắng cần được sử dụng để rửa xe và tưới nước dập bụi trên công trường thi công, không thải ra môi trường; váng dầu được thu gom, lưu giữ cùng chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Khu phụ trợ 04: xây dựng 01 bể lắng dung tích 03 m^3 , lắp đặt tấm lọc dầu để loại bỏ dầu mỡ lẫn trong nước thải từ hoạt động rửa xe. Toàn bộ nước sau lắng cần được sử dụng để rửa xe, không thải ra môi trường; váng dầu được thu gom, lưu giữ cùng chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Khu vực thi công hầm dẫn nước: xây dựng 04 hố lắng (dung tích mỗi hố lắng $2,5 \text{ m}^3$) tại cửa hầm phụ và cửa hầm chính để thu gom nước thải từ hoạt động thi công hầm dẫn nước. Nước sau lắng được tái sử dụng để phun ẩm nguyên vật liệu trước khi thi công.

Sau khi hoàn tất thi công, xây dựng, thực hiện san lấp toàn bộ rãnh, bể lắng và hầm chứa nước thải sinh hoạt để hoàn trả mặt bằng.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt

+ Xây dựng 01 bể tự hoại dung tích $8,4 \text{ m}^3$; 01 bể tách dầu mỡ dung tích $0,5 \text{ m}^3$ và lắp đặt 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt dạng hợp khối công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Quy trình: nước thải sinh hoạt → Xử lý sơ bộ (bể tự hoại đối với nước thải từ hoạt động tắm, giặt, vệ sinh và bể tách dầu mỡ đối với nước thải từ khu bếp) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt dạng hợp khối (Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Selector → Bể SBR → Bể khử trùng) → Suối Nậm Nhè.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, $K = 1,2$) xả ra suối Nậm Nhè tại vị trí có tọa độ: X (m) = 2452454; Y (m) = 479851 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $103^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

- Nước thải nhiễm dầu

+ Xây dựng 01 bể xử lý nước thải nhiễm dầu tại khu vực nhà máy dung tích 16 m^3 (gồm 02 ngăn). Ngăn thu nước rò rỉ có dung tích khoảng 08 m^3 ; ngăn chứa nước sau tách dầu dung tích khoảng 08 m^3 có bố trí tấm lọc dầu, thu gom xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) xả ra suối Nậm Nhè tại vị trí có tọa độ X (m) = 2452471; Y (m) = 479875 (hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $103^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

Quy trình: nước thải nhiễm dầu → Bể xử lý nước thải nhiễm dầu → Suối Nậm Nhè.

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn

kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, $K = 1,2$) trước khi thải ra suối Nậm Nhè.

- Nước thải nhiễm dầu sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,2$ trước khi thải ra suối Nậm Nhè.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các phương tiện vận chuyển được rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường; che phủ bạt các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; các phương tiện chở đúng tải trọng theo quy định.

- Sử dụng xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu chính với tần suất từ 02 lần/ngày; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 01 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau khi tập kết vật liệu.

- Các máy móc, thiết bị thi công được kiểm tra, theo dõi các thông số kỹ thuật và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

- Áp dụng biện pháp nổ mìn vi sai, sử dụng vật liệu nổ amonit.

- Sử dụng hệ thống thông gió cho hoạt động đào hầm.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Dự án không phát sinh bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành.

4.1.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn

4.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Khu phụ trợ 01 bố trí 03 thùng chứa chuyên dụng; khu phụ trợ 02 bố trí 02 thùng chứa chuyên dụng; khu phụ trợ 03 bố trí 02 thùng chứa chuyên dụng; khu phụ trợ 04 bố trí 03 thùng chứa chuyên dụng để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn là sinh khối phát sinh từ hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng được thu gom, tập kết tại 01 khu riêng tại các khu phụ trợ; hợp đồng với

đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường là phế thải xây dựng như: sắt, thép, vỏ bao xi măng được thu gom tập kết tại 01 khu riêng tại các khu phụ trợ; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đất đá thải phát sinh từ hoạt động thi công, đào đắp được thu gom, vận chuyển về 05 bãi thải, gồm:

- + Bãi thải số 01 (diện tích khoảng 8.200 m²) tại vị trí thượng lưu đập chính, cách bờ suối Nậm Ngà khoảng 200 m; dung tích đổ thải khoảng 24.600 m³; thực hiện đổ thải 01 tầng cao khoảng 03 m; thực hiện kè chân bãi thải (cao 02 m, rộng 01 m, dài 225 m) tại khu vực tiếp giáp bờ suối Nậm Ngà; tạo rãnh có hố lắng để thu gom nước mưa chảy tràn và thoát nước theo địa hình hiện trạng.

- + Bãi thải số 02 (diện tích khoảng 2.000 m²) tại vị trí khu vực đập phụ Chiron gom nước, cách bờ của nhánh suối cấp I suối Nậm Ngà khoảng 50 m; dung tích đổ thải khoảng 9.000 m³; thực hiện đổ thải 01 tầng cao khoảng 4,5 m; thực hiện kè chân bãi thải (cao 02 m, rộng 01 m, dài 110 m) tại khu vực tiếp giáp bờ suối cấp I suối Nậm Ngà; tạo rãnh có hố lắng để thu gom nước mưa chảy tràn và thoát nước theo địa hình hiện trạng.

- + Bãi thải số 03 (diện tích khoảng 3.900 m²) tại vị trí khu vực tuyến hầm phụ, cách bờ suối Nậm Ngà khoảng 50 m; dung tích đổ thải khoảng 19.500 m³; thực hiện đổ thải 01 tầng cao khoảng 4,5 m; thực hiện kè chân bãi thải (cao 02 m, rộng 01 m, dài 110 m) tại khu vực tiếp giáp bờ suối Nậm Ngà; tạo rãnh có hố lắng để thu gom nước mưa chảy tràn và thoát nước theo địa hình hiện trạng.

- + Bãi thải số 04 (diện tích khoảng 1.000 m²) tại vị trí khu vực nhà máy bờ trái suối Nậm Ngà, cách bờ suối Nậm Ngà khoảng 50 m; dung tích đổ thải khoảng 9.500 m³; thực hiện kè chân bãi thải (cao 09 m, rộng 01 m, dài 70 m) tại khu vực tiếp giáp bờ suối Nậm Ngà; tạo rãnh có hố lắng để thu gom nước mưa chảy tràn và thoát theo địa hình hiện trạng.

- + Bãi thải số 05 (diện tích khoảng 4.900 m²) tại vị trí khu vực đập đầu mối bên bờ phải suối Nậm Ngà, cách bờ suối Nậm Ngà khoảng 450 m; dung tích đổ thải khoảng 10.200 m³; thực hiện kè chân bãi thải (cao 02 m, rộng 01 m, dài 74 m) tại khu vực tiếp giáp bờ suối Nậm Ngà; tạo rãnh có hố lắng để thu gom nước mưa chảy tràn và thoát theo địa hình hiện trạng.

Sau khi kết thúc đổ thải, thực hiện trồng cây, phục hồi cảnh quan khu vực các bãi thải.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các vị trí phù hợp, đảm

bảo thu gom, phân loại tại nguồn; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 12,4 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, quản lý chất thải rắn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải đúng các vị trí, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường; trường hợp đất đá đào trong phạm vi Dự án được xác định là vật liệu xây dựng để đắp cho công trình, thực hiện thủ tục đăng ký, tận thu theo quy định của Luật Khoáng sản các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải rắn nguy hại được thu gom, lưu chứa tạm tại kho chất thải nguy hại diện tích 20 m² bố trí tại khu phụ trợ 04; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải rắn nguy hại được thu gom, lưu chứa tạm tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20 m² bố trí trong khu vực nhà máy; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, quản lý chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

- Thông báo lịch nổ mìn trước cho chính quyền địa phương, cán bộ, công nhân làm việc tại công trình, người dân xung quanh Dự án; tuân thủ QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công

ng nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất nổ.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

Thực hiện các biện pháp, giải pháp kỹ thuật và thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị gây ồn lớn (tua bin, máy nén khí) để giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra môi trường bên ngoài.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành.

- Đảm bảo các quy định về an toàn nổ mìn theo QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.4.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở, xói lở

+ Bạt thoải mái dốc địa hình, hạ thấp độ cao mái dốc bằng cách giạt cấp tạo các đường cơ; quan sát, theo dõi các khối đất đá, mái taluy dương có xuất hiện nước ngầm có nguy cơ trượt, đưa ra cảnh báo, xử lý kịp thời trong thời gian đào hố móng, kênh xả.

+ Thực hiện giám sát xói lở dọc hai bên bờ suối Nậm Ngà, nhánh phụ cấp I suối Nậm Ngà phía thượng và hạ du tuyến đập, suối Nậm Nhè, khu vực xây dựng nhà máy thủy điện; xây dựng và thực hiện các giải pháp phù hợp, ứng phó kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở đất đá hai bên bờ suối Nậm Ngà, suối Nậm Nhè; cấm biển cảnh báo vị trí có nguy cơ sạt lở.

+ Thực hiện kè chân bãi thải để phòng ngừa nguy cơ sạt lở bãi thải trong quá trình đổ thải; sau khi kết thúc đổ thải, lu lèn chặt, trồng cây trên bề mặt, gia cố chân bãi thải để đảm bảo phục hồi cảnh quan, sinh thái, phòng ngừa sạt lở.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố vỡ đê quây, đào hầm dẫn nước:

+ Tuân thủ quy trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn thiết kế trong quá trình thi công đê quây; xây dựng và thực hiện các giải pháp ứng phó nguy cơ xảy ra sự cố vỡ đê quây, đưa ra cảnh báo, xử lý kịp thời trong thời gian thi công, xây dựng Dự án.

+ Tuân thủ quy định an toàn trong công tác đào hầm dẫn nước; thường xuyên theo dõi các khối đất đá có nguy cơ sạt, trượt để đưa ra cảnh báo và xử lý kịp thời trong quá trình thi công, đặc biệt tại nơi có địa chất yếu; khi có sự cố cần khẩn trương đưa người, thiết bị ra khỏi nơi nguy hiểm và báo cáo ngay cho cơ quan chức năng để phối hợp ứng phó; xây dựng và thực hiện phương án ứng phó với sự cố sập hầm dẫn nước.

+ Thực hiện giám sát xói lở dọc hai bên bờ suối Nậm Ngà và suối Nậm Nhè phía thượng và hạ du tuyến đập, nhà máy thủy điện và có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở đất đá hai bên bờ suối Nậm Ngà và suối Nậm Nhè; cấm biển cảnh báo vị trí có nguy cơ sạt lở.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình về khoan nổ mìn; hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện công tác nổ mìn thi công các hạng mục công trình; đảm bảo việc nổ mìn theo đúng thiết kế, tuân thủ nghiêm các quy phạm an toàn về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; cấm biển cảnh báo nguy hiểm tại khu vực nổ mìn; không để người dân, công nhân hoạt động trong phạm vi an toàn nổ mìn.

- Phương án giảm thiểu tác động đến dòng chảy: thực hiện các phương pháp đắp đê quây, dẫn dòng thi công phù hợp, hạn chế tác động tiêu cực đến chế độ dòng chảy tại suối để không gây ảnh hưởng tới hệ sinh thái dưới nước.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy và các quy định khác có liên quan; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.4.1.2. Giai đoạn vận hành

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

+ Ban hành quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; bố trí nhân viên có năng lực và kinh nghiệm để theo dõi, kiểm tra và giám sát quy trình xử lý nước thải, vận hành sổ nhật ký theo đúng quy định.

+ Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời khi có sự cố; bảo trì máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; bố trí các thiết bị dự phòng để phòng ngừa trường hợp thiết bị hư hỏng.

+ Khi hệ thống hợp khối xử lý nước thải sinh hoạt gặp sự cố, ngừng hoạt động, nước thải được lưu chứa tại bể tự hoại dung tích 8,4 m³ (thời gian lưu chứa tối đa 05 ngày) để sửa chữa, khắc phục sự cố; bố trí dự phòng các thiết bị máy móc phục vụ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (máy bơm) để sẵn sàng thay thế.

+ Trường hợp thời gian sửa chữa, khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt kéo dài nhiều ngày, Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố, rủi ro vỡ đập, đảm bảo an toàn hồ chứa

+ Tuân thủ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa và Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

+ Thực hiện lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

+ Thực hiện vận hành hồ chứa theo đúng quy trình vận hành được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Tuân thủ các quy định hiện hành về việc xả nước, xả lũ; thông tin kịp thời cho vùng hạ du và chia sẻ thông tin xả lũ với các nhà máy thủy điện khác cùng nằm trên lưu vực suối Nậm Nhè; thực hiện quan trắc mực nước hồ, bồi lắng bùn cát và lượng mưa định kỳ; lập phương án ứng phó sự cố vỡ đập.

+ Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành, khai thác đảm bảo an toàn và hiệu suất cao nhất của hồ chứa; thực hiện nghiêm các nguyên tắc phòng chống và xử lý sự cố trong vận hành công trình; tiến hành kiểm tra toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự trước mùa lũ hàng năm.

- Biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tác động do thay đổi chế độ dòng chảy của suối Nậm Ngà, suối Nậm Nhè trong quá trình tích nước và vận hành nhà máy thủy điện:

+ Duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định tại Thông tư số 03/2024/TTBTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

+ Thực hiện giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước đối với hồ chứa theo quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

+ Xây dựng quy trình vận hành hồ chứa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy và các quy định khác có liên quan; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

4.4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Phương án giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất rừng, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; không phát quang thảm thực vật ngoài ranh giới Dự án; duy trì và không chặt bỏ cây trong hành lang an toàn tuyến đường dây.

+ Đối với 05 bãi thải: trước khi đổ thải, thực hiện san gạt lớp đất bề mặt vào một góc bãi thải; sau khi kết thúc đổ thải, san gạt trả lại lớp đất bề mặt bãi thải để trồng cây.

- Phương án thoát nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước (kích thước 0,6 x 0,4 x 0,4 (m), đáy rãnh độ dốc khoảng 1-3%) dọc các tuyến đường thi công vận hành và xung quanh khu vực thi công đập chính và khu vực thi công đập phụ Chiron; dọc rãnh thu gom nước có bố trí các hố ga (khoảng 25 m/hố ga); nước mưa sau lắng tại khu vực thi công đập chính chảy ra suối Nậm Ngà; nước mưa sau lắng tại khu vực thi công đập phụ Chiron gom nước chảy ra phụ lưu cấp I của suối Nậm Ngà; nước mưa sau lắng tại khu vực thi công nhà máy chảy ra suối Nậm Nhè; thường xuyên nạo vét rãnh thu nước và hố lắng đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng.

4.4.2.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn được thu gom vào rãnh thoát nước xây dựng trong khuôn viên nhà máy.

- Thực hiện các biện pháp giám sát quá trình khai thác nước (giám sát lưu lượng khai thác, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, mực nước, chất lượng nước) theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Phối hợp với các đơn vị quản lý bậc thang thủy điện trên cùng hệ thống đảm bảo vận hành công trình phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa lưu vực suối Nậm Ngà được các cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo duy trì lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu thường xuyên, liên tục về hạ du theo quy định tại Giấy phép khai thác nước mặt được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước theo Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định phạm vi giải phóng mặt bằng; giám sát hoạt động phát quang, đảm bảo công tác tận thu lâm sản, giải phóng mặt bằng tuân thủ quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản có liên quan; không phát quang thảm thực vật ngoài ranh giới Dự án, hạn chế tối đa ảnh hưởng tới hệ sinh thái động, thực vật ngoài phạm vi Dự án.

- Quan trắc nước mặt hồ chứa, giám sát bồi lắng, xói lở và quản lý chất lượng nguồn nước trong hồ theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Chương trình quản lý môi trường của Dự án phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại Quyết định này trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại: thực hiện phân định, phân loại, thu gom, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

5.2.2.1. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tiếp nhận nước thải sinh hoạt của nhà máy sau khi qua xử lý.

- Thông số giám sát: lưu lượng, pH, nhiệt độ, TSS, BOD₅, tổng chất rắn hòa tan, phosphat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B, hệ số K = 1,2.

5.2.2.2. Giám sát nước thải nhiễm dầu

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tiếp nhận nước nhiễm dầu của nhà máy sau khi qua xử lý.

- Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Fe, dầu mỡ khoáng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, K_q = 0,9 và K_f = 1,2.

5.2.2.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

5.2.2.4. Giám sát dòng chảy tối thiểu

Thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật khác có liên quan.

5.2.2.5. Giám sát hoạt động khai thác, sử dụng đối với hồ chứa

Thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật khác có liên quan.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

6.1. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi đã hoàn thiện các thủ tục về đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.2. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp có liên quan đến hoạt động của Dự án; thực hiện trồng rừng thay thế, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đối với diện tích rừng còn lại; giám sát chặt chẽ lực lượng thi công, xây dựng, đảm bảo không xâm phạm hệ sinh thái rừng ngoài ranh giới Dự án.

6.3. Tuân thủ quy định của Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

6.4. Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

6.5. Công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

6.6. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa ở các khu vực liền kề và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước sông, suối, hệ thủy sinh và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

6.7. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn, đảm bảo việc tiêu thoát nước trong giai đoạn thi công và vận hành, không gây ngập úng cho khu vực Dự án và khu vực xung quanh; chỉ được phép đưa Dự án vào vận hành sau khi hoàn thiện hệ thống thoát nước đồng bộ, bảo đảm không để xảy ra tình trạng ngập úng trong quá trình triển khai thực hiện và vận hành của Dự án.

6.8. Tuân thủ nghiêm ngặt các giải pháp kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng bãi thải, công tác đổ thải theo đúng thiết kế và quy định của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định của tỉnh Lai Châu; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

6.9. Thực hiện giám sát, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây

dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định.

6.10. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.11. Thực hiện các biện pháp phòng chống sụt lún, sạt lở tại khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án; trường hợp xảy ra sạt lở ảnh hưởng đến các công trình xây dựng phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan và cơ quan địa phương khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.12. Xây dựng, đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước trong quá trình thi công xây dựng, vận hành Dự án; giám sát, thực hiện, bảo đảm xử lý toàn bộ nước thải của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

6.13. Tuân thủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ; thực hiện chế độ vận hành hồ chứa để đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân và bảo vệ môi trường, sinh thái phía hạ lưu đập; xác định ranh giới hành lang bảo vệ hồ chứa ứng với mực nước cao nhất khi có lũ kiểm tra; thông báo về dao động mực nước hồ, lưu lượng xả, dao động mực nước hạ lưu đập ứng với các chế độ vận hành của nhà máy và cảnh báo những vấn đề nguy hiểm để nhân dân biết, phòng tránh thiệt hại.

6.14. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; chủ động huy động nhân lực, vật lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đập và ứng phó với các tình huống thiên tai, xói lở bờ hồ, ngập lụt hạ du; theo dõi, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng mất an toàn, biến dạng bề mặt, dịch chuyển, hư hỏng đập, sạt lở đất đá tại khu vực Dự án và lân cận trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

6.15. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, thanh tra.

6.16. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác tài

nguyên nước theo quy định của pháp luật hiện hành; thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.17. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.18. Nghiên cứu, thực hiện Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

6.19. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính trung thực và tính chính xác của số liệu đo đạc, phân tích thành phần môi trường, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, thông tin về những người tham gia thực hiện đánh giá tác động môi trường và các thông tin, số liệu khác nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.20. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Số: 32 /SCT-QLNL
V/v thông báo kết quả thẩm định
Báo cáo nghiên cứu khả thi của
dự án thủy điện Nậm Ngà

Lai Châu, ngày 15 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà.

Sở Công Thương nhận được hồ sơ thủ tục hành chính H35.9-250708-0001 ngày 08/7/2025 về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thủy điện Nậm Ngà theo đề nghị của Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà tại Tờ trình số 07.07/2025/TTr-NNg ngày 07/7/2025.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BXD ngày 31/3/2025 của Bộ Xây dựng quy định về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án thủy điện Nậm Ngà;

Căn cứ Quyết định số 1881/QĐ-BNNMT ngày 03/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thủy điện Nậm Ngà;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 606/MRV-KQTT-NN ngày 28/6/2025 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện MORAVA về kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Nậm Ngà, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 16/TT-PB ngày 19/4/2025 của Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng và cơ điện Phương Bắc về kết quả thẩm tra hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi hạng mục Hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình thủy điện Nậm Ngà.

Sau khi xem xét, Sở Công Thương thông báo kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án Thủy điện Nậm Ngà, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH.

1. Tên công trình: Thủy điện Nậm Ngà.
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
 - Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
 - Loại công trình: Công trình công nghiệp.
 - Cấp công trình: Công trình cấp II.
 - Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: 50 năm.
3. Người quyết định đầu tư: Bà Hoàng Thị Gấm; Chức vụ: Giám đốc.
4. Tên chủ đầu tư và địa chỉ:
 - Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà.
 - Địa chỉ: Tổ 24 phường Đông Phong, thành Phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (nay là phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu).
 - Điện thoại: 0856792888.
5. Địa điểm xây dựng: xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (nay là xã Mường Mô, tỉnh Lai Châu).
6. Giá trị tổng mức đầu tư: 964,096 tỷ đồng.
7. Nguồn vốn đầu tư: 30% vốn tự có, 70% vốn vay các tổ chức tín dụng.
8. Tiến độ thực hiện dự án, thời hạn hoạt động của dự án: Theo chủ trương đầu tư được phê duyệt, dự án có tiến độ khởi công quý III năm 2025, hoàn thành dự án đưa vào vận hành phát điện thương mại quý III năm 2028. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm.
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT: Công trình thủy lợi, các quy định chủ yếu về thiết kế.
 - TCVN-9147:2012: Công trình thủy lợi-Quy trình tính toán thủy lực đập tràn.
 - TCVN 9151: 2012: Quy trình tính toán thủy lực cống dưới sâu.
 - TCVN 8420: 2010: Tính toán thủy lực công trình xả kiểu hở và xói lòng dẫn bằng đá do dòng phun.
 - TCVN-2737: 2023 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 9386-2012 - Tiêu chuẩn quốc gia thiết kế công trình chịu động đất.
 - TCVN-9137:2023 - Thiết kế đập bê tông và bê tông cốt thép.
 - TCVN-8216:2018 - Thiết kế đập đất đầm nén.

- TCVN 9154:2012 - Thiết kế đường hầm thủy lợi.
- TCVN 4253:2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền các công trình thủy công.
- TCVN 4116:2023 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.
- TCVN 8645:2019 - Tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu khoan phụt vữa xi măng vào nền đá.
- TCVN-9152:2012 - Thiết kế các tường chắn các công trình thủy công.
- Các tiêu chuẩn về Khảo sát địa chất.
- Các tiêu chuẩn về Khảo sát địa hình.
- Các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Các tiêu chuẩn quy phạm nước ngoài như: Tiêu chuẩn EM 1110-2-2200 thiết kế bê tông trọng lực của Cục công trình quân đội Mỹ; Tiêu chuẩn SniP-2.06.09.84 của Liên Xô cũ; các hướng dẫn về kỹ thuật để đánh giá công trình thủy điện của Ủy ban năng lượng và an ninh Mỹ; Sổ tay thủy lực Kixêlep của Liên Xô cũ,...

- Các tiêu chuẩn và quy phạm chuyên ngành liên quan.

10. Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt Hưng.

11. Nhà thầu thiết kế hạng mục phòng cháy chứa cháy: Công ty Cổ phần Hòn Sam.

12. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện MORAVA.

13. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi, hệ thống phòng cháy chữa cháy: Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng và cơ điện Phương Bắc.

14. Các thông số kỹ thuật chính của dự án

Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị	
			Đập chính	Đập phụ
Tổng diện tích lưu vực	F_{lv}	km^2	177,8	4,2
Mực nước dâng bình thường	MNDBT	m	465	467
Mực nước chết	MNC	m	463	467
Lưu lượng lũ thiết kế ($P=1,0\%$)	$Q_{1,0\%}$	m^3/s	1.498	
Lưu lượng lũ kiểm tra ($P=0,2\%$)	$Q_{0,2\%}$	m^3/s	1.986	
Lưu lượng bình quân năm	Q_o	m^3/s	6,86	
Dung tích toàn bộ	V_{tb}	$10^6 m^3$	3,11	
Dung tích chết	V_c	$10^6 m^3$	2,63	
Dung tích hữu ích	V_{hi}	$10^6 m^3$	0,48	
Mực nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất	$MNHL_{min}$	m	325,2	
Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy	Q_{max}	m^3/s	22,53	
Cột nước tính toán	H_{tt}	m	121.6	

Công suất lắp máy	N_{lm}	MW	24
Công suất đảm bảo	$N_{đb}$	MW	0,81
Số tổ máy	n	tổ	2
Điện lượng trung bình năm	E_0	$10^6 Kwh$	76,15
Số giờ sử dụng công suất lắp máy	Hsd	Giờ	3.173

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý

- Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án thủy điện Nậm Ngà.

- Quyết định số 1881/QĐ-BNNMT ngày 03/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thủy điện Nậm Ngà.

- Tờ trình số 07.07/2025/TTr-NNg ngày 07/7/2025 của Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thủy điện Nậm Ngà.

- Báo cáo thẩm tra số 606/MRV-KQTT-NN ngày 28/6/2025 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện MORAVA về kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Nậm Ngà, tỉnh Lai Châu.

- Báo cáo thẩm tra số 16/TT-PB ngày 19/4/2025 của Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng và cơ điện Phương Bắc về kết quả thẩm tra hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi hạng mục Hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình thủy điện Nậm Ngà.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, thiết kế, thẩm tra

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thủy điện Nậm Ngà sau thẩm tra gồm: Báo cáo tóm tắt; Báo cáo chính; Điều kiện khí tượng thủy văn; Báo cáo khảo sát địa hình; Tập bản vẽ khảo sát địa hình; Báo cáo khảo sát địa chất công trình; Kết quả thí nghiệm và hình trụ hố khoan, hố đào; Album ảnh nền khoan; Tập bản vẽ khảo sát địa chất công trình; Thủy năng - kinh tế năng lượng; Tổng mức đầu tư; Thuyết minh thiết kế cơ sở; Phụ lục tính toán; Tập bản vẽ nghiên cứu khả thi - thiết kế cơ sở; Thuyết minh hạng mục phòng cháy chữa cháy; Thiết kế cơ sở hạng mục phòng cháy chữa cháy.

Hồ sơ thẩm tra: Báo cáo thẩm tra kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Nậm Ngà, tỉnh Lai Châu; Báo cáo kết

quả thẩm tra hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi hạng mục Hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình thủy điện Nậm Ngà.

3. Hồ sơ năng lực nhà thầu

- Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt Hưng.

- Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện MORAVA.

- Nhà thầu thiết kế hạng mục phòng cháy chữa cháy: Công ty Cổ phần Hòn Sam.

- Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi, hạng mục phòng cháy chữa cháy: Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng và cơ điện Phương Bắc.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH THẨM ĐỊNH

Các hạng mục chính của dự án, gồm: Hồ chứa, đập chính, đập phụ, công xả cát, cửa nhận nước, hầm dẫn nước, tháp điều áp, nhà máy thủy điện, cụ thể:

1. Hồ chứa

Hồ chứa tạo bởi đập dâng trên suối Nậm Ngà có thông số chính như sau:

- Dung tích toàn bộ là 3,11 triệu m³.
- Dung tích hữu ích là 0,48 triệu m³.
- Dung tích chết là 2,63 triệu m³.
- Cao trình mực nước dâng bình thường là 465m.
- Cao trình mực nước chết là 463m.

2. Đập chính

Tuyến đập chính có tổng chiều dài 136m, trong đó:

- Đập tràn được bố trí giữa lòng sông có chiều rộng tràn nước 80m.
- Đập dâng bờ trái dài 25m và đập dâng bờ phải dài 29m.
- Cổng xả cát bố trí bên trong phạm vi đập dâng bờ phải, cửa nhận nước bố trí phía trên cổng xả cát để phát huy tối đa hiệu quả của cổng xả cát. Thông số kỹ thuật chính các hạng mục công trình trên tuyến đập chính như sau:

a) Đập dâng vai trái là đập bê tông trọng lực có các thông số chính như sau:

- Cao trình đỉnh đập 470,5m.
- Chiều cao đập lớn nhất 16,5m.
- Chiều dài theo đỉnh đập 25m.
- Kết cấu đập dâng có vỏ bọc sử dụng bê tông cốt thép M200; phần lõi đập sử dụng bê tông độn đá học M150.

b) Đập dâng vai phải là đập bê tông trọng lực có các thông số chính như sau:

- Cao trình đỉnh đập 470,5m.
- Chiều cao đập lớn nhất 32,71m.
- Chiều dài theo đỉnh đập 29m.
- Kết cấu đập dâng có vỏ bọc sử dụng bê tông cốt thép M200; phần lõi đập sử dụng bê tông độn đá hộc M150.

c) Đập tràn tự do: Đập tràn tự do kiểu Ophixerop bố trí giữa lòng sông, hình thức tiêu năng bằng hố xói với các thông số chính như sau:

- Cao trình ngưỡng tràn 465m.
- Chiều rộng diện tràn 80m.
- Chiều cao lớn nhất là 44m.
- Khả năng xả ở tần suất thiết kế 1,0%, tần suất kiểm tra 0,2%.
- Kết cấu đập dâng có vỏ bọc phía thượng lưu, đáy đập, hạ lưu sử dụng bê tông cốt thép M200; phần mặt tràn cong sử dụng bê tông cốt thép M250; phần lõi đập sử dụng bê tông độn đá hộc M150.

3. Đập phụ.

Đập phụ là bê tông trọng lực bố trí trên suối nhánh. Trong thân đập bố trí cửa lấy nước vào ống thép để gom nước vào đường ống thép, dẫn nước vào hầm và cống xả cát kích thước. Các thông số chính như sau:

- Cao trình ngưỡng tràn tự do 467m.
- Chiều cao đập lớn nhất 2,5m.
- Chiều dài đập 12m.
- Kích thước cửa lấy nước $B \times H = 0,6 \times 0,6$ m.
- Cao trình cửa lấy nước 465,7m.
- Kích thước ống thép $D = 0,4$ m.
- Chiều dài ống thép $L = 241,94$ m.
- Kích thước cống xả cát $B \times H = 0,8 \times 0,8$ m.
- Cao trình cống xả cát 465m.
- Kết cấu đập phụ có vỏ đập bằng bê tông cốt thép M200, phần lõi đập sử dụng bê tông độn đá hộc M150, hai bên bờ có gia cố mái dốc bằng bê tông cốt thép M200 dày 20cm.

4. Cống xả cát

Cống xả cát được bố trí trong thân đập bên vai phải, nằm phía dưới cửa lấy nước. Các thông số chính như sau:

- Kích thước thông thủy $B \times H = 3 \times 3$ m.
- Cao trình ngưỡng cửa cống xả cát 441,5m.

- Kết cấu bằng bê tông cốt thép M250.

5. Cửa lấy nước

Cửa lấy nước được bố trí trong thân đập bên vai phải, lấy nước chính diện mặt đập vào hầm theo trục tim của đập. Các thông số chính như sau:

- Kích thước thông thủy $B \times H = 4 \text{m} \times 4 \text{m}$.
- Cao trình ngưỡng cửa vào 445,5m.
- Cao trình đỉnh cửa nhận nước: 470,5m.
- Lưu lượng thiết kế $22,53 \text{m}^3/\text{s}$.

Kết cấu cửa lấy nước bằng bê tông cốt thép M250. Trên cửa nhận nước có bố trí hệ thống thiết bị cơ khí thủy công vận hành bao gồm: Lưới chắn rác với kích thước thông thủy $B \times H = 4,5 \text{m} \times 6 \text{m}$; Van sửa chữa loại phẳng trượt với kích thước thông thủy $B \times H = 4 \text{m} \times 4 \text{m}$; Van vận hành loại phẳng có bánh xe với kích thước thông thủy $B \times H = 4 \text{m} \times 4 \text{m}$. Trên đỉnh cửa nhận nước bố trí khung nhà kết cấu bê tông cốt thép.

6. Hầm dẫn nước

Hầm dẫn nước dạng hầm áp lực bố trí bên bờ phải nối tiếp sau cửa nhận nước với mặt cắt ngang hình móng ngựa. Các thông số chính như sau:

- Tổng chiều dài hầm dẫn là $L = 5.109,19 \text{m}$,
- Cao độ tim đầu hầm 447,5m.
- Cao độ tim cuối hầm 332,5m.
- Độ dốc dọc hầm $i = 1,16\% - 2,73\%$.
- Kích thước đào $B \times H \times R = 4 \text{m} \times 4 \text{m} \times 2 \text{m}$ được thiết kế nhiều loại mặt cắt gia cố phù hợp với từng vùng địa chất.
- Kết cấu hầm bằng bê tông cốt thép M300, tại đoạn hầm đi qua khe suối đập phụ có bố trí mương xông bằng bê tông cốt thép M200 dài 20m có lót thép, độ dốc $i = 0\%$.

7. Tháp điều áp

Tháp điều áp được bố trí tại lý trình $\text{km}4+266,77 \text{m}$. Các thông số chính như sau:

- Đường kính trong 8m.
- Đường kính viên trụ 4m.
- Chiều cao đỉnh tháp 481,5m.
- Kết cấu tháp điều áp bằng bê tông cốt thép M250 có lót thép.

8. Nhà máy

Nhà máy thủy điện kiểu hở bên bờ trái suối Nậm Nhé, cách vị trí hợp lưu suối Nậm Ngà với suối Nậm Nhé khoảng 100m về phía thượng lưu. Các thông

số chính như sau:

- Kích thước tổng thể nhà máy BxLxH=29,5mx23,8mx33m.
- Cao trình sàn lắp ráp 340.
- Số tổ máy 02.
- Loại tuabin Francis trục đứng.
- Kết cấu bằng bê tông cốt thép M250.

9. Kênh xả hạ lưu

Kênh xả hạ lưu nhà máy có cao trình đáy đầu kênh 324,7m; mặt cắt hình thang với bề rộng đáy kênh B=15,7m; chiều dài L=26,2m. Kết cấu bằng bê tông cốt thép M200.

IV. PHẠM VI, NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH

1. Phạm vi thực hiện thẩm định: Sở Công Thương thực hiện thẩm định các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án thủy điện Nậm Ngà theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng 2014, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định.

2. Nguyên tắc thẩm định

- Đơn vị trình thẩm định và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ và các văn bản kèm theo.

- Kết quả thẩm định của Sở Công Thương không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của các nhà thầu tư vấn về kết quả công việc do mình thực hiện.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

1.1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án Thủy điện Nậm Ngà lập đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 54 Luật xây dựng năm 2014 và Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

1.2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

a. Năng lực hoạt động của tổ chức khảo sát địa hình, địa chất, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình thủy điện Nậm Ngà

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Lê Xuân Ngọc đã Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương cấp chứng chỉ cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng II số HAD-001103557 ngày 17/9/2020, có hiệu lực đến ngày 16/9/2025.

- Chủ nhiệm khảo sát địa chất: Ông Hồ Minh Long đã được Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất hạng I số BXD-00011089 ngày 29/12/2022, có hiệu lực đến ngày 29/12/2027.

- Chủ nhiệm thiết kế: Ông Phạm Văn Duy đã được Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình công nghiệp (thủy điện) hạng II số HNT-00124165 ngày 16/11/2021, có hiệu lực đến ngày 16/11/2026.

b. Năng lực hoạt động của tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi hạng mục phòng cháy chữa cháy

- Năng lực hoạt động của tổ chức: Công ty Cổ phần Hòn Sam đã được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công An thành phố Hà Nội xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy chữa cháy, thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy theo Giấy xác nhận số 83/XN-PCCC ngày 22/8/2017.

- Năng lực hành nghề của cá nhân: Chủ trì thiết kế - ông Bùi Văn Iiễn đã được Cục Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an cấp chứng chỉ hành nghề số 0537/2022/PCCC ngày 23/8/2022.

c. Năng lực hoạt động của đơn vị thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình thủy điện Nậm Ngà

- Năng lực hành nghề của cá nhân: Chủ nhiệm thẩm tra thiết kế - ông Lê Văn Hào đã được Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với phạm vi hoạt động trong lĩnh vực thiết kế kết cấu công trình hạng II số HAD-00151304 ngày 23/8/2022, có giá trị đến ngày 22/8/2027.

d. Năng lực hoạt động của đơn vị thẩm tra hạng mục phòng cháy chữa cháy

Năng lực hoạt động của tổ chức: Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng và cơ điện Phương Bắc đã được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công An thành phố Hà Nội xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy chữa cháy, thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy theo Giấy xác nhận số 10/GXN-PCCC ngày 22/9/2016.

- Năng lực hành nghề của cá nhân: Chủ trì thẩm tra - ông Nguyễn Đức Huy đã được Cục Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động tư vấn thiết kế, giám sát phòng cháy chữa cháy số 0593/2021/PCCC ngày 05/11/2021.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với Quy hoạch

- Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Nậm Ngà đã được đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế cơ sở đã đưa ra các phương án và tính toán, lựa chọn với công suất 24MW phù hợp với Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận

Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án thủy điện Nậm Ngà có mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng, quy mô sử dụng đất, sơ bộ tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn của dự án phù hợp với chủ trương đầu tư dự án thủy điện Nậm Ngà đã được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt tại Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 01/7/2024.

4. Khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực

Công suất của dự án thủy điện Nậm Ngà được truyền tải lên lưới điện Quốc gia thông qua trạm biến áp trạm 110kV tại nhà máy Nậm Ngà, phù hợp với phương án đấu nối trong Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

- Các giải pháp thiết kế về đảm bảo an toàn xây dựng: Các hạng mục công trình của dự án: đập, hồ chứa, nhà máy, hầm dẫn, công xả cát, cửa nhận nước,... được đơn vị tư vấn thiết kế tính toán, thiết kế; đơn vị tư vấn thẩm tra kiểm tra, đánh giá đảm bảo an toàn, ổn định cho các hạng mục của dự án Thủy điện Nậm Ngà và các công trình lân cận.

- Công tác bảo vệ môi trường: Dự án Thủy điện Nậm Ngà đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1881/QĐ-BNNMT ngày 03/6/2025.

- Công tác phòng, chống cháy, nổ: Hạng mục phòng cháy chữa cháy của dự án Thủy điện Nậm Ngà đã được đơn vị tư vấn thiết kế tính toán, thiết kế; đơn vị tư vấn thẩm tra kiểm tra, đánh giá đảm bảo đầy đủ, phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy, cụ thể:

+ Khoảng cách phòng cháy chữa cháy: Nhà máy thủy điện Nậm Ngà là công trình biệt lập, cách xa khu vực dân cư sinh sống và các công trình công nghiệp khác nên đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy chữa cháy đối với các công trình xung quanh;

+ Đường bộ, hải đồ, khoảng trống phục vụ phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ: Nhà máy thủy điện Nậm Ngà được bố trí trên mặt bằng rộng,

thoảng, có hệ thống đường bộ bao quanh nhà máy, mặt bằng phụ trợ rộng đảm bảo khoảng trống để làm bãi đỗ, khoảng trống phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

+ Giải pháp thoát nạn: Tại các khoang, phòng điều khiển được kết nối trực tiếp với hành lang bộ nổi ra sân, đường bộ, bãi đỗ thuận lợi thoát nạn nhanh chóng; trong sàn kỹ thuật có bố trí 02 thang ở hai đầu, số lượng cầu thang được bố trí đảm bảo phục vụ cho công tác vận hành và thoát nạn, đồng thời có bố trí hệ thống chiếu sáng, chỉ dẫn lối thoát đảm bảo cho việc thoát nạn nhanh chóng, an toàn khi xảy ra cháy;

+ Dự kiến bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan: Nhà máy thủy điện Nậm Ngà được xây dựng bằng bê tông cốt thép, tường gạch, mái lợp tôn múi cho phép ngăn cản cháy, chống cháy lan;

+ Giải pháp chống khói: Nhà máy đã thiết kế hệ thống tường chắn, cửa kính giữa các buồng, khoang điều khiển, vận hành với khoảng máy, đảm bảo chống khói khi xảy ra cháy.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Với công suất lắp máy 24MW, chiều cao đập chính lớn nhất là 44m, dung tích toàn bộ của hồ chứa tại đập chính là 3,11 triệu m³ theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ký hiệu QCVN 04-05:2022/BNN&PTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, dự án thủy điện Nậm Ngà là công trình cấp II, tương ứng tần suất lũ thiết kế $P = 1,0\%$, tần suất lũ kiểm tra $P = 0,2\%$, tần suất dẫn dòng thi công $P = 10\%$ và tần suất đảm bảo cung cấp điện 85%. Đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế cơ sở đã áp dụng các tần suất nêu trên để tính toán, theo đúng quy định.

- Đơn vị tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đã áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật gồm các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam và nước ngoài được áp dụng ở Việt Nam đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận: Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thủy điện Nậm Ngà tại xã Mường Mô, tỉnh Lai Châu do Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà làm chủ đầu tư đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Một số yêu cầu kiến nghị đối với Nhà đầu tư trong các bước tiếp lưu ý một số nội dung sau:

- Tiếp tục nghiên cứu điều tra, khảo sát các điều kiện tự nhiên khu vực dự án (*địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, dân sinh, kinh tế...*) từ đó rà soát, tính toán chi tiết và tối ưu các hạng mục công trình nhằm đảm bảo an toàn trong

thi công và vận hành.

- Chỉ đạo nhà thầu thi công xây dựng nhà vận hành tuân thủ quy trình đắp nền theo quy định; thiết kế hệ thống thoát nước mặt bằng và bố trí Nhà quản lý vận hành cách xa các mái taluy, tránh hiện tượng sạt lở hoặc có các giải pháp gia cố để đảm bảo an toàn công trình.

- Đối với các tuyến đường ngoài công trường, trong quá trình thi công, yêu cầu Nhà đầu tư có phương án sử dụng phương tiện vận tải phù hợp với tải trọng, quy mô, cấp hạng các tuyến đường, không làm ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng giao thông khu vực và khắc phục, sửa chữa các hư hỏng (nếu có) hoặc hoàn trả hiện trạng hạ tầng giao thông.

- Không tác động vào rừng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với diện tích rừng trong phạm vi dự án.

- Thực hiện đầy đủ quy định về lập quy trình vận hành hồ chứa, an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo quy định của pháp luật.

Trên đây là thông báo của Sở Công Thương về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thủy điện Nậm Ngà./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND xã Mường Mô;
- Lưu VT, QLNL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Văn Phong

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 262 /HĐTĐ

Lai Châu, ngày 20 tháng 12 năm 2024

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để thực hiện Dự án thủy điện Nậm Ngà (lần 1).

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU

Ông: Vũ Minh Thức, chức vụ: Phó Giám đốc Sở (được Giám đốc Sở phân công nhiệm vụ tại Quyết định số 201/QĐ-STNMT ngày 01/12/2024).

II. BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN NẬM NGÀ

Bà: Hoàng Thị Gấm, chức vụ: Giám đốc (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số: 6200123440, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đăng ký lần đầu ngày 09/04/2024);

Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích khu đất 287.028,2 m² (Hai trăm tám mươi bảy nghìn không trăm hai mươi tám phẩy hai mét vuông) đất tại xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo 06 Tờ trích đo địa chính khu đất, tỷ lệ 1:2.000 do Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ tài nguyên và



môi trường thực hiện tháng 7/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 01/12/2024 kèm theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 01 tháng 7 năm 2074. Riêng phần diện tích lòng hồ, Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà phải có trách nhiệm xây dựng Phương án bảo vệ đập, hồ chứa trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt làm căn cứ xác định ranh giới, mốc giới khu vực lòng hồ không được tiếp tục thuê đất để bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định

4. Mục đích sử dụng đất: Đất công trình năng lượng.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất: Dự án thuộc trường hợp được miễn toàn bộ thời gian thuê theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ nên không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 17 tháng 12 năm 2024.

3. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số: 6200123440, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đăng ký lần đầu ngày 09/04/2024.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi (chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê,...) thì người sử dụng đất được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng được tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật;
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2024./.

BÊN THUÊ ĐẤT


Hoàng Thị Gấm

BÊN CHO THUÊ ĐẤT


Vũ Minh Thúc



HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 109 /HĐTĐ

Lai Châu, ngày 24 tháng 6 năm 2025

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án thủy điện Nậm Ngà - lần 2.

Hôm nay, ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU

Ông: Ngô Xuân Hùng, chức vụ: Phó Giám đốc Sở (được Giám đốc Sở phân công nhiệm vụ tại Quyết định số 293/QĐ-SNNMT ngày 11/6/2025).

II. BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN NẬM NGÀ

Bà: Hoàng Thị Gấm, chức vụ: Giám đốc (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số: 6200123440, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đăng ký lần đầu ngày 09/04/2024);

Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích khu đất 12.761,7m² (Mười hai nghìn bảy trăm sáu mươi mốt phẩy bảy mét vuông) tại xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo 03 tờ trích đo địa chính khu đất, tỷ lệ: 1:2.000 do Công ty Cổ phần ứng dụng công nghệ nông nghiệp và môi trường thực hiện ngày 13/5/2025 và Sở Nông nghiệp và Môi trường xác nhận tháng 6 năm 2025 (kèm theo Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu).

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 01 tháng 7 năm 2074 đối với phần diện tích đất được thuê theo dự án đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2074. Riêng phần diện tích lòng hồ, Công ty TNHH thủy điện Nậm Ngà phải có trách nhiệm xây dựng Phương án bảo vệ đập, hồ chứa trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt làm căn cứ xác định ranh giới, mốc giới khu vực lòng hồ không được tiếp tục thuê đất để bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định.

4. Mục đích sử dụng đất: Đất xây dựng công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (DNL).

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất: Dự án thuộc trường hợp được miễn toàn bộ thời gian thuê theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ nên không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

3. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này và Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án thủy điện Nậm Ngà.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp Bên thuê đất bị



thay đổi (chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê,...) thì người sử dụng đất được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng được tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật;
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.



Hoàng Thị Gấm



Ngô Xuân Hùng

